

ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỐ QUYỂN 7

Phẩm 2: NHẬP MẠN-ĐỒ-LA CỤ DUYÊN (Tiếp Theo)

Lại nữa, Bí Mật Chủ! Chúng Thanh văn trụ ở địa vị hữu duyên, hiểu sinh diệt, trừ hai bên, cực quán sát trí, được nhân không thuận theo tu hành, đó gọi là đạo lý Tam-muội của Thanh văn. Như A-tỳ-đàm nói: chín tướng, tám niệm, bối xả, thắng xứ, tất cả nhập tam Tam-muội... đều được gọi trụ ở địa vị hữu duyên, nương vào ở Tam-muội này làm phương tiện, khiến tâm kia điềm nhiên thanh tịnh, quán sát được chân chánh, hiểu rõ pháp thế gian, xuất thế gian, thấy đều có nhân, có duyên.

Thế gian lấy Tập làm nhân, lấy Khổ làm quả. Xuất thế gian lấy Đạo làm nhân, lấy Diệt làm quả, như trong kinh A-hàm có nói rộng, trong Tỳ-ni nêu những điểm quan trọng. Cái gọi là các pháp từ duyên khởi, Như lai nói là nhân, pháp ấy nhân duyên hết, ấy đại Sa-môn nói. Do biết nhân duyên sinh diệt, diệt hữu thì không thấy xa lìa đoạn thường hai bên, được sinh trí chân đế. Vì thế gọi là Cực quán sát trí. Nhờ hết sức quán sát nên không điên đảo sai lầm, do đó gọi là Đế. Từ vô minh đến già chết, đây có cho nên kia có, đây sinh cho nên kia sinh cho đến luân hồi không bờ mé. Nếu theo đây mà trôi lăn thì gọi là thuận, đã thấy bốn chân đế rồi, ngược dòng sinh tử thực hành theo Thánh đạo, cho đến có thể tự nhớ nói, sự sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân hậu hữu, ấy gọi là không thuận theo, các hạnh không thuận theo như thế, cần Tam-muội-da làm nhân.

Cho nên được nhân không thuận theo tu hành. Tam-muội của Thanh văn, tuy các bộ khác nhiều thứ khác nhau nhưng hợp với pháp ấn như thế thì gọi là chánh hạnh, nếu không có ấn như thế thì gọi là tà hạnh.

Kinh chép: Đây Bí Mật Chủ! Duyên giác quán sát nhân quả, trụ

trong vô ngôn nói pháp, không chuyển vô ngôn thuyết, đối với tất cả pháp chứng cực diệt nói năng Tam-muội, đó gọi là đạo lý Tam-muội của Duyên giác, nhân quả tức là pháp mười hai Nhân duyên. Như Thanh văn cực quán sát trí, hiểu rõ chỉ là uẩn vô ngã, do tâm rất nhàm chán sợ hãi, nhanh chóng dứt trừ phiền não, tự chứng Niết-bàn, không thể phân chia tìm kiếm tướng thật mười hai Nhân duyên.

Bích-chi-Phật trí tuệ sâu sắc, có thể quán sát kỹ tướng chung, riêng, thấy tất cả pháp nhóm họp đều là pháp diệt, đây khác với Thanh văn. Kinh A-hàm chép: Pháp mười hai Nhân duyên ấy có Phật hay không có Phật thì pháp vị ấy cũng thường trụ.

Bồ-tát Long Thọ cũng nói: Pháp vị trong đây chính là tên khác của Như, đây là điều tất cả thế gian rất khó hiểu. Do đó khi Thế-tôn thành đạo không muốn nói pháp là ý ở đây. Bích-chi-Phật chỗ nhập dần sâu, vì thế nói trụ vô ngôn nói pháp. Nói Bất chuyển: Nghĩa là khi trụ ở Đệ nhất nghĩa này không có thanh tự, vì thế không thể chuyển trao cho người. Thế-tôn được tri kiến vô ngại, đối với pháp được tự tại, có thể đối với vô ngôn nói pháp làm thành danh tự chuyển trao cho chúng sinh. Bích-chi-phật trí tuệ có ngăn ngại, vì thế không thể giảng nói.

Lại nữa, Bích-chi-Phật quán tất cả pháp tập thấy đều như tướng Niết-bàn, đối với các cảnh giới hữu vi cũng đều dứt thói quen nói những lời vô nghĩa, không biết nói gì, do đó gọi là chứng cực diệt lời nói Tam-muội. Người tu Du-già tương ứng với đây đó gọi là Duyên giác Tam-muội. Hai thứ Tam-muội này đều là nạn xứ của tâm Bồ-đề, như thế chỉ là tu hành một thứ tâm tướng Trung đạo, chẳng phải nói tâm tánh không thể suy nghĩ bàn luận có thể có định tướng ba thừa như vậy, cho nên người hành dùng pháp ấn này tự ấn biết rồi, liền vượt thẳng qua vô ngại, nếu không có Thiện tri thức biết thì sẽ bị chướng ngại.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Nhân quả thế gian và nghiệp hoặc sinh, hoặc diệt lệ thuộc vào “tha” chủ, sinh Tam-muội không, đó gọi là đạo lý Tam-muội thế gian, nghĩa là tất cả Tam-muội thế gian. Tóm lại, cho đến chỗ rốt ráo đều là diệt hoại nhân quả và khi từ nhân biện quả đã có tạo nghiệp, nghĩa là ba việc này hoặc sinh hoặc diệt đều lệ thuộc vào tha. Tha nghĩa là thần ngã. Vì sao? Vì nếu người tu hành không hiểu nghĩa nhân duyên chân chính mà tu chứng các thiền, thì phải chấp vào tự tâm để làm nội ngã, kia thấy muôn pháp ở thế gian nhân tâm mà có thì nói do thần ngã sinh ra, nếu không nương vào nội ngã thì nương vào ngoại ngã, tức là Tự tại, Phạm thiên... nếu ở trong đây tìm cầu đến chỗ sâu xa, tự nhiên trừ diệt nghiệp nhân, chỉ còn ngã tánh, cho đến

không một pháp vào tâm, mà chứng không định, là lý cùng cực nhất thế gian, cho nên gần hết ba cõi trở lại rơi vào ba đường. Tuy ở trong thiên định phát các trí thù thắng đủ năm Thần thông, nghiên cứu tông thú kia cuối cùng trở về chỗ đó. Vì thế dùng một ấn này gom chung tất cả đạo lý Tam-muội thế gian, nếu người tu hành khi nhập tâm này nên tự giác biết.

Trong kinh Phật nói nhiếp kệ, y theo năm thứ Tam-muội đạo, đại khái chia làm hai, nghĩa là bốn hạng: Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn đều gọi là xuất thế gian Tam-muội. Nếu các đường như: trời... nói giáo pháp chân ngôn đều thuộc về Tam-muội thế gian. Tam-muội xuất thế gian đều có thật ích, Tam-muội thế gian chỉ có quyền ích, do đó nói vì lợi ích chúng sinh. Như các kinh đã nói: người cầu Tiểu thừa phải thực hành quán tưởng, liền đối với giáo pháp thế gian sinh tâm nhằm chán xa lìa, người cầu Đại thừa lại đối với giáo pháp Thanh văn sinh tâm rất lo sợ, những người này vì chưa biết Bí mật tạng nên phải làm phương tiện này để nói. Căn cứ theo tông của kinh này thì năm thứ Tam-muội đều là mở cửa tướng thật của tâm, giống như hành giả bắt đầu trụ ở hữu tướng Du-già, đó là Tam-muội thế gian nhưng ở trong đây hiểu rõ chỉ là uẩn không có ngã, tức là Tam-muội của Thanh văn.

Nếu dùng mười câu duyên sanh quán các uẩn vô tánh vô sinh thì đó là Tam-muội của Bồ-đề tát, ngoài ra như trong phẩm trụ tâm nói rộng, không giống như các giáo khác do chia rõ ý nghĩa của tâm tánh cho nên năm thừa khác nhau, thường không dung hội nhau. Nếu lại làm thâm bí thích thì như ngũ vị Tam-muội trong ba lớp Mạn-đồ-la, đều là Tỳ-lô-giá-na bí mật gia trì, kia cùng tương ứng đều có thể một đời thành Phật, làm gì có cạn sâu khác nhau, nay trong kệ nói, là nói theo giáo pháp mà những vị kia đã tự lưu truyền.

Kinh dạy: Lại nữa, Thế-tôn bảo Chấp kim cang Bí Mật Chủ rằng: Đây Bí Mật Chủ! Ông phải nghe kỹ các chi phần chân ngôn. Đại khái chân ngôn lược chia ra năm loại, nghĩa là Như lai nói, hoặc Bồ-tát kim cang nói, hoặc Nhị thừa nói, hoặc các vị trời nói, hoặc Địa cư thiên nói, nghĩa là các loại rồng, chim, tu-la.

Lại ba hạng trước gọi chung là chân ngôn của bậc Thánh, hạng thứ tư gọi chung là chân ngôn các tiên chúng, hạng thứ năm gọi là chân ngôn của địa cư, cũng có thể gọi chung là chân ngôn của các vị thần. Như chân ngôn của bậc Thánh cũng nói là chữ A hoặc chữ phạ... các người, trời cho đến đất quỷ thần... cư trú trên mặt đất lại cũng nói ra, tướng kia có gì khác lạ?

A-xà-lê nói: Nếu các Đức Phật, Bồ-tát nói thì ở trong một chữ có vô lượng nghĩa, hãy nói sơ lược chữ A tự có ba nghĩa, nghĩa nghĩa là bất sinh, nghĩa không, nghĩa hữu. Như bản Phạm chữ a có bản sơ thanh, nếu có bản sơ thì đó là pháp nhân duyên, cho nên gọi là hữu. Lại A ấy nghĩa là vô sinh, nếu pháp do nhân duyên mà thành thì tự không có tánh, vì thế gọi là không, lại bất sinh tức là cảnh giới Nhất thật, tức là Trung đạo, do đó Bồ-tát Long thọ nói: pháp do nhân duyên sinh vừa không, vừa giả vừa trung.

Lại Đại luận nói Tát-bà-nhã có ba tên gọi:

1. Nhất thiết trí, giống với Nhị thừa.
2. Đạo chủng trí, giống với Bồ-tát.
3. Nhất thiết chủng trí, là pháp Bất cộng của Phật.

Ba trí này thật sự trong nhất tâm mà đặc, vì phân biệt giúp người dễ hiểu nên chia làm ba tên, tức nghĩa chữ a.

Lại như chữ pha cũng có ba nghĩa:

1. Nghĩa trần.
2. Do nhập tự môn A, tức nghĩa là vô trần.
3. Nghĩa Ba-la-mật.

Do vì rất ráo đến bờ bên kia tức là bản sơ không sinh, phải biết cũng đủ ba điểm, ba điểm nhiếp tất cả pháp, như chữ a, chữ phạ, nghĩa là các chữ khác đều như vậy.

Lại trong tất cả các lời nói đều mang thanh A đều đã nhiếp trong tự môn A, nếu mang thanh phạ thì đều đã nhiếp trong tự môn phạ, các tự khác cũng giống như vậy, cùng với những ngữ, những chữ, trong đại luận giải thích nghĩa cũng đồng. Văn dưới không giải thích thích rộng nữa. Hoặc các chân ngôn của Bồ-tát có chữ A, phải biết từ trong chỗ thông đạt pháp giới môn, đủ tất cả nghĩa, không phải ở trong phổ môn pháp giới đủ tất cả nghĩa, hoặc chân ngôn của Nhị thừa có chữ A. Phải biết chỉ y theo hết vô sinh trí, tịch diệt Niết-bàn, hiểu nghĩa bất sinh, nếu chân ngôn do Phạm thiên nói chữ A đó là y theo nghĩa ra khỏi năm dục, giác quán bất sinh minh, hoặc chân ngôn cứu đời của Đế-thích có chữ A là y theo thập bất thiện đạo và nghĩa tai họa bất sinh minh. Ngoài ra đều theo loại này có thể biết.

Như trên đã nói đều là theo ý và lời của người khác, nói về nghĩa cạn lược mà thôi. Nếu theo ngữ ý của mình nói sâu xa thì nhập một là đầy đủ tất cả các pháp giới môn, cho đến trời, người... đều là Tỳ-lô-giá-na có gì là sâu cạn khác nhau. Nếu hành giả có thể đối với không khác nhau mà hiểu nghĩa khác nhau, đối với khác nhau hiểu nghĩa

không khác nhau, phải biết người đó thông đạt nghĩa Nhị đế, cũng biết tướng chân ngôn.

Lại nữa, trong kinh tự nói các tướng chân ngôn bài kệ đầu chép: Chân ngôn Chánh đẳng chánh giác gọi là thành lập tướng giống như “Nhân-đà-la Tông”. Các nghĩa lợi thành tựu đây là nói tướng chung chân ngôn của Như lai, ở đây chỉ nói về Tam-muội-da chân ngôn đầu tiên. Ngôn: nghĩa là mỗi chữ, đều là một loại nhập vào pháp giới môn. Như nói a tam mê: chữ a là vô sinh môn, chữ sa là vô đế môn, chữ ma là đại không môn.

Danh nghĩa là mỗi tự môn này đều chung thành một tên. A là vô, Tam-mê là đẳng, nếu hiệp lại tức là vô đẳng, thành lập là nhờ vào cái tên này, trước sau cộng thành một nghĩa.

Như câu đầu tiên nói vô đẳng, tiếp theo nói tam đẳng, kể đến nói Tam-muội-da, tướng chung thành lập, tức là “vô đẳng tam bình đẳng Tam-muội da”.

Lại nữa, như đem nhiều tên cộng thành một câu, có chỗ nói các hành pháp là vô thường... cho đến góp nhiều câu này thành một bài kệ, sau đó nghĩa tròn đầy, tức là các hành pháp vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt hết, tịch diệt là vui, đều là chân ngôn đã thành lập tướng. Ngoài ra đều bắt chước đây như Nhân-đà-la tông ấy.

Nhân-đà-la là tên khác của trời Đế-thích, Đế-thích tự soạn ra thanh luận, có thể trong một lời chứa đủ các nghĩa vì thế nêu lên để làm chứng. Trí tuệ thế gian mà còn như vậy, huống chi Như lai đối với các pháp đều tự tại ư? Các nghĩa lợi thành tựu: nghĩa là chân ngôn Như lai, mỗi lời đều có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi bén, trong mỗi tên cũng có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi trong mỗi tướng thành lập cũng có khả năng thành tựu tất cả nghĩa lợi, thử nêu lên Tam-muội-da chân ngôn đầu tiên là chữ A, từ nghĩa vốn bất sinh liền có dụng tức tại từ vốn bất sinh, nên tất cả công đức đầy đủ không thiếu thì có tác dụng tăng ích, do vốn bất sinh nên vô lượng tội lỗi tiêu sạch không còn, liền có dụng hàng phục, lại không có một pháp ra ngoài vốn bất sinh này, tức là có dụng nhiếp triệu, như thế trong vốn bất sinh chỗ không có công thì có khả năng thành tựu tất cả các việc, giống như chữ A, mỗi chữ khác cũng giống như vậy, như mỗi chữ, mỗi danh cú và tướng thành lập đều cũng giống như vậy. Vì thế phải biết trong chân ngôn này, đầy đủ tất cả công dụng.

Đã nói tướng chung của chân ngôn xong, tiếp theo nói về tướng riêng của chân ngôn. Cho nên nói: có tăng thêm pháp cú, vốn gọi là

hành tương ứng, nghĩa là hễ làm sự nghiệp chân ngôn, phải quán sát trong chân ngôn này, vốn đã lập danh và ý thú việc làm, phân xét bộ loại khác nhau kia, tùy theo tánh tướng thích hợp để dùng làm. Nếu danh nghĩa và chỗ dùng chân ngôn mà không tương ứng thì phải nương vào pháp tăng thêm ngữ cú, như trong chân ngôn. pháp giới pháp tánh, đại không là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận, các thứ danh ngôn khác nhau. Gương ứng với chân thể mà Như lai tự chứng. Phải biết đó là Phật bộ chân ngôn, dù cho là bộ khác cũng có thể có tác dụng Phật bộ. Nếu có đại bi phổ nhãn không đả nhiễm các danh nghĩa tương ứng, phải biết đó là dụng của Liên Hoa bộ. Nếu có các danh nghĩa tương ứng với kim cang bất hoại không nói lời vô nghĩa, phải biết đó là dụng của kim cang bộ, các nghĩa như vậy vô lượng, vô biên.

Du-già: Phải dùng ý mà suy ra không thể ghi chép tỉ mỉ. Lại nữa, trong kinh tự nói dụng của danh hành tương ứng, nghĩa là nếu trong các chân ngôn, có những chữ án, âm, phát, trách, ca, hiệt, lệ, tử... này, phải biết đó là danh hiệu Phật đảnh.

Nếu có yết, phiếu, lương, noa, dã (nghĩa là chấp thủ), khứ-đà-da (nghĩa là ăn), bán-xà (nghĩa là phá hoại), ha-na (nghĩa là đánh), ma-la-dã (nghĩa là sát), bát-tra-dã (nghĩa là giết chết), các nghĩa của những chữ như vậy, phải biết các vị phụng giáo giả chân ngôn như phần nộ... có khả năng hàng phục nhiếp triêu. Như nói nghĩa đạ thực: Đạ thực nghĩa là khiến các phần nộ... chiếm diệt tất cả các loài tỳ-na-dã-ca, nếu như đã nói, thì các Đức Phật có diệt tội cho chúng sinh, nay tông này nói nghĩa, có chỗ nói Tỳ-lô-dã-ca tức là tất cả người làm chướng ngại, chướng này từ tâm vọng tưởng sinh ra. Nếu có thể ăn nuốt các chướng nặng như thế, khiến tâm tự khai sáng thì phải biết đó là chân phần nộ, dùng tự môn khứ này ăn nuốt “chướng” của tất cả chúng sinh thì đó là sứ giả của Như lai, làm việc Như lai. Ngoài ra suy ra có thể hiểu.

Lại nữa, nếu trong chân ngôn, có những chữ nạp-ma (nghĩa là quy nạp), ta-phực-ha (nghĩa là nhiếp thủ)... phải biết đó là tu Tam-ma-địa, vắng lặng tương ứng với chân ngôn. Hoặc có những chữ như: Phiến-đa nghĩa là yên lặng, Vi-thanh-đà nghĩa là thanh tịnh... phải biết nghĩa tương ứng với Phật bộ, ngoài ra như Tô-tất-địa... có nói tỉ mỉ.

Như trên đã nói, đều là tướng chân ngôn của các Đức Phật, Bồ-tát hoặc Thanh văn đã nói, sắp đặt mỗi câu, do Thanh văn nhờ người khác mà được hiểu, nhập pháp tánh chưa sâu, không thể ở trong một lời mà bao gồm đầy đủ các đức, như nói các hành pháp là vô thường một bài kệ bốn câu, phải khiến theo thứ lớp xếp đặt văn nghĩa không thiếu

mới thành chân ngôn, không được đem tự môn nói nghĩa và tăng thêm danh cú. Bích-chi-Phật tuy không nói năng cũng có thể dùng năng lực Thần thông hiện ra chân ngôn, người thọ trì ở các cõi, đều được nghĩa lợi, trong đó có chút khác nhau, nghĩa là Bích-chi-Phật và Thanh văn lậu tận thì đồng nhưng Tam-muội thì có sâu, cạn khác nhau, có thể dùng thần thông làm lợi ích chúng sinh, khiến cho sở nguyện đều được thành tựu, trừ bốn vị đại đệ tử, các bậc Thanh văn khác năng lực không bằng.

Lại chân ngôn kia chỉ nói lý vắng lặng của mười hai Nhân duyên, cho nên nói nghĩa là Tam-muội chia khác, trừ sạch nghiệp sinh. Trong kinh lại nói tướng như thật của chân ngôn, cho nên nói: Lại nữa, Bí Mật Chủ! Tướng chân ngôn này không phải do tất cả các Đức Phật làm ra, không bảo người làm, cũng không vui theo. Vì sao? Vì là các pháp, pháp vốn như vậy, hoặc các Đức Như lai xuất hiện, hoặc các Đức Như lai không xuất hiện, các pháp pháp vốn như thế mà trụ, nghĩa là các chân ngôn, chân ngôn pháp vốn như thế, do thân, miệng ý của Như lai rất ráo nên tướng chân ngôn này, chữ Thanh đều là thường, thường cho nên không lưu chuyển, không có thay đổi, pháp nhĩ như thị, không do tạo tác mà thành, nếu có thể tạo thành tức là sinh pháp, nếu pháp có sinh thì có thể phá hoại, bốn tướng dời đổi, vô thường, vô ngã làm sao gọi là chân thật ngữ được?

Vì thế cho nên Đức Phật không tự làm, không bảo người làm, nếu có người làm cũng không vui theo, vì thế tướng chân ngôn này, hoặc Phật ra đời, hoặc không ra đời, hoặc đã nói, hoặc chưa nói, hoặc đang nói, pháp trụ pháp vị, tánh tướng thường trụ, do đó gọi là Tất định ấn, các Thánh đạo đồng, chính là tất cả chân ngôn đại bi Mạn-đồ-la, tướng mỗi chân ngôn đều pháp nhĩ như thị, do đó không nói lại. Nếu như vậy thì tướng các chân ngôn này rất ráo vắng lặng, không trao cho người, vì sao có khi phát ra lớn mạnh, có khi mất đi không thấy, vì thế kinh lại giải thích nguyên nhân rằng: Bí Mật Chủ thành Chánh đẳng giác, tất cả người trí, tất cả người hiểu biết xuất hiện ở đời mà tự đem pháp này, nói các thứ đạo lý, tùy theo các thứ ưa muốn, cho đến các thứ âm thanh của các đường mà dùng gia trì, nói đạo lý chân ngôn, ý ở đây nói: Như lai tự chứng pháp thể, không phải Đức Phật tự làm, không phải các hàng trời người làm ra, pháp nhĩ thường trụ, lại nhờ thần lực che chở nên xuất hiện ở đời, làm lợi ích cho chúng sinh.

Nay chân ngôn bí mật thân, miệng, ý này tức là pháp Phật bình đẳng thân, miệng, ý nhưng cũng dùng thần lực che chở, xuất hiện ở đời

làm lợi ích cho chúng sinh. Tri kiến vô ngại của Như lai đối với sự nối nhau của tất cả chúng sinh thì pháp nhĩ thành tựu không có thiếu giảm, vì đối với thể tướng của chân ngôn này không giác ngộ đúng như thật nên gọi là người trong sinh tử. Nếu khi tự biết tự thấy thì gọi là tất cả người trí, người hiểu biết, cho nên tri kiến như vậy không phải do Đức Phật tạo ra, cũng không phải do người khác truyền trao. Đức Phật ngồi trong đạo tràng chứng pháp như vậy rồi, biết rõ tất cả thế giới, từ xưa đến nay thường là pháp giới, liền sinh tâm đại bi. Vì sao chúng sinh cách Phật đạo rất gần mà không thể tự giác, vì lý do này, Như lai xuất hiện ở đời trở lại dùng pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận như vậy, chia ra các đường, mở bày các thừa, tùy theo các tâm cơ ưa muốn, dùng các văn cú của địa phương tự tại gia trì, nói đạo lý chân ngôn. Dù từ cơ duyên sinh cảm của ra nhưng không động thực tế. Dù phương tiện khéo léo không gì không làm nhưng chẳng phải do Phật làm, tuy nói phổ môn đặc biệt nhưng chỉ đem tri kiến Phật chỉ dạy cho chúng sinh hiểu ngộ. Nếu hành giả đối với chân ngôn thập dụ này, vọng thấy hữu vi sinh diệt, càng thêm tâm cấu thì không phải là bản ý của Như lai.

Lại nữa, Đức Thế-tôn vì chúng sinh căn cơ chậm lụt đời tương lai mê mờ nhị đế không biết ngay nơi tục là chân, cho nên ân cần chỉ sự. Nói Bí Mật Chủ! Thế nào là đạo lý chân ngôn của Như lai? Nghĩa là gia trì văn tự biên chép này? Vì nghĩa chân thật của lời nói văn tự thế gian, cho nên Như lai dùng thật nghĩa chân ngôn mà gia trì. Nếu ra ngoài pháp, tánh mà có văn tự thế gian riêng thì chính là vọng tâm thấy lầm, đều không phải thật thể đáng tìm cầu, mà Phật dùng thần lực che chở, đó là thuận theo sự điên đảo, không phải là chân ngôn.

Đã biết chỗ gia trì, Như lai dùng pháp nào gia trì ư? Như lai chứa nhóm sự tu hành: chân thật đế ngữ, bốn Thánh đế, bốn Niệm xứ, bốn Thần túc, mười Lực Như lai, sáu pháp Ba-la-mật, bảy Bồ-đề phần, bốn Phạm trụ (bốn Vô lượng tâm), mười tám pháp Phật bất cộng.

Bí Mật Chủ đem những điểm chính yếu để nói trí Nhất thiết trí của các Đức Như lai, từ năng lực phước trí, từ năng lực nguyện trí, năng lực gia trì của tất cả pháp giới, của tất cả Như lai đều thuận theo chúng sinh. Như chủng loại kia mở bày giáo pháp chân ngôn: nghĩa là do Như lai nhóm họp công đức trong vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp làm thành phổ môn gia trì khắp mọi nơi chốn. Vì thế tùy theo mỗi danh ngôn thành lập đều như Nhân-đà-la tôn, tất cả nghĩa lợi đều thành tựu, lại mỗi công đức này, đồng với tướng chân ngôn, pháp tánh tự như thế không phải do tạo tác mà thành. Nay thử y theo một chữ a để phân biệt

nghĩa kia, như hành giả khi tự chứng tâm, hiểu rõ nhân quả thế gian, xuất thế gian vốn bất sinh Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà có nhất thật đế. Thấy nhất thật đế này rồi, chắc chắn Thế-tôn nói rộng cho chúng sinh nghe, ấy gọi là tu hành chứa nhóm chân thật đế ngữ, lại biết tám đạo vốn bất sinh trở thành niệm xứ Như lai, biết bốn Như ý túc vốn bất sinh, trở thành năng lực tự nhiên trí của Phật, biết sáu tế vốn bất sinh cho nên đạt đến sáu Độ ở bờ kia, biết bảy Bồ-đề phần vốn bất sinh thành bảy của báu giác ngộ không thầy. Biết bốn phạm trụ vốn bất sinh thành vô duyên Từ, Bi, Hỷ, Xả, biết mười tám pháp vốn bất sinh cho nên vượt qua tâm lượng không cùng chung với tất cả chúng sinh, cho đến các thứ pháp môn sẽ tự tại nói.

Lại nữa, như nghĩa trong phẩm đầu tiên của kinh này nếu hiểu rõ chỉ có uẩn không có ngã, cho đến khi chứng cảnh giới tịch nhiên, điều quan trọng là làm cho ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả vốn bất sinh nói các pháp môn, khi dùng năm dụ quán sát “tánh không” phải y theo các uẩn vốn bất sinh, do đó nói các pháp môn, quán sát uẩn A-lại-da, cho đến khi hiểu mé trước sau của tâm, không thật có, phải y theo hình bóng của tâm vốn bất sinh. Cho nên nói các pháp môn, khi Cực Vô Tự Tánh Tâm sinh khởi thì phải y theo tâm Bồ-đề thanh tịnh vốn bất sinh, cho nên nói các pháp môn, cho đến địa vị Như lai, phải y theo Đại bi thai tạng Mạn-đồ-la rốt ráo nghĩa “bất sinh” để nói các pháp môn, giống như chữ A bất sinh môn, chữ a vô tác môn... đều phải nói rộng, giống như mỗi chữ, cho đến mỗi danh, mỗi sự thành lập đều nên nói rộng.

Lại nữa, Đức Thế-tôn đối với các pháp tự tại, hoặc dùng một chữ thu nhiếp tâm Bồ-đề... các thứ một pháp môn hoặc hai chữ thu nhiếp chỉ quán... các thứ hai pháp môn, hoặc dùng ba chữ thu nhiếp ba không... các thứ ba pháp môn, hoặc dùng bốn chữ nhiếp niệm xứ... các thứ bốn pháp môn, hoặc dùng năm chữ nhiếp năm lực... các thứ năm pháp môn, hoặc dùng sáu chữ nhiếp sáu Độ... các thứ sáu pháp môn, hoặc dùng bảy chữ nhiếp bảy Bồ-đề phần... các thứ bảy pháp môn, hoặc dùng tám chữ thu nhiếp tám Chánh đạo... các thứ tám pháp môn, hoặc dùng chín chữ thu nhiếp chín định các thứ chín pháp môn, hoặc dùng mười chữ nhiếp mười Lực... các thứ mười pháp môn, cho đến dùng vô lượng chữ nhiếp vô lượng pháp môn; các danh cú cũng giống như vậy.

Nếu y theo tướng chung của chân ngôn như khi hành giả trì một tự môn A tùy theo cơ duyên tánh dục của chúng sanh ấy, hoặc ngộ bốn Niệm xứ hoặc ngộ bốn Thần thông... mỗi trường hợp khác nhau, nhưng khi hiểu rõ bất cứ một pháp môn nào liền đầy đủ các pháp môn còn lại,

các pháp báu không cầu tự đến. Nếu Y theo tướng riêng, như khi dùng bốn chữ nhiếp bốn Niệm xứ môn, hoặc khi như pháp tu hành, dù từ xưa chưa từng chánh quán về: thân, thọ, tâm, pháp, tự nhiên ngộ niệm xứ môn. Lại nhập pháp giới các pháp môn, danh nghĩa bình thường như trong Trí Độ... nói rộng.

Lại nữa, Như lai dùng các pháp môn vì không thể nêu khắp, lại nói tóm trước hết nói trí Nhất thiết trí: tức là nêu chung tất cả kim cang trí ẩn của các Đức Như lai trong ba đời mười phương, do các Như lai cùng chung gia trì thì không chỗ nào không khắp.

Lại tất cả các Như lai khi còn làm Bồ-tát đã nhóm họp vô biên phước đức, phát sinh đại nguyện không cùng tận, cho đến Tát-bà-nhã cũng rất ráo tròn đầy, thế nên được gọi là “trí”. Nói do năng lực phước, nguyện, trí như thế và năng lực gia trì của bản tánh tất cả pháp giới thuận theo chúng sinh, như chủng loại của họ mà làm gia trì. Vì thế, đối với các thứ thân, miệng, ý của tất cả chúng sinh đều được mở bày giáo pháp chân ngôn.

Kinh chép: Này Bí Mật Chủ! Giáo pháp chân ngôn là thế nào? chính là tự môn A... đó là tướng chân ngôn, tuy tướng không khác thể, thể không khác tướng, tướng chẳng tạo tác tu thành, không thể chỉ cho người, nhưng có thể không lìa giải thoát hiện thành chữ Thanh, mỗi chữ thanh tức là nhập giải thoát môn, vì thế được gọi là giáo pháp chân ngôn. Luận về giáo pháp chân ngôn, phải khắp tất cả tùy phương các đường danh ngôn, chỉ lấy dấu vết xuất thế của Như lai bắt đầu ở Thiên Trúc, người truyền pháp y theo văn Phạm, làm một con đường sáng tỏ nghĩa.

Kinh chép: Nói tự môn A tất cả các pháp vốn bất sinh: tự môn A là nguồn gốc của tất cả giáo pháp, kể là tiếng bắt đầu mở miệng thì đều có thanh A, nếu lìa thanh A thì không có tất cả lời nói, cho nên là mẹ sanh ra các thanh. Hễ lời nói trong ba cõi thì đều nương vào danh, mà danh nương vào chữ, cho nên chữ A (Tất-đàm) cũng là mẹ sanh ra các chữ, phải biết nghĩa chân thật của tự môn A cũng giống như vậy, khắp trong tất cả pháp nghĩa. Vì sao? Vì tất cả pháp đều từ các duyên sinh, vì từ duyên sinh, nên đều có nguồn gốc. Nay quán sát duyên sinh này cũng lại từ các nhân duyên sinh, xoay vần từ duyên thì cái gì là gốc? Như thế khi quán sát thì biết gặp phải vốn bất sinh là gốc của muôn pháp, như khi nghe tất cả lời nói chính là nghe thanh A, như khi thấy tất cả pháp sinh chính là lúc thấy được vốn bất sinh. Nếu khi thấy vốn bất sinh tức là biết tự tâm như thật, biết tự tâm như thật chính là

biết trí Nhất thiết trí. Vì thế Đức Phật Tỳ-lô-giá-na chỉ lấy một chữ này làm chân ngôn, nhưng phàm phu ở thế gian không quán nguồn gốc các pháp nên vọng thấy có sinh, cho nên trôi lăn theo dòng sinh tử, không thể tự ra khỏi.

Giống như người thợ vẽ vô trí kia tự dùng các màu sắc vẽ hình Dạ-xoa đáng sợ, lại tự mình nhìn thấy, sinh tâm sợ hãi té xỉu xuống đất. Chúng sinh cũng giống như vậy, tự vận dụng nguồn gốc các pháp vẽ thành ba cõi mà lại tự chìm đắm trong đó, đốt cháy tâm mình mà chịu đủ mọi điều khổ. Như lai là bậc thầy vẽ, có trí tuệ đã hiểu rõ mình nên có khả năng tự tại thành lập đại bi Mạn-đồ-la. Do đó lại nói, cái gọi là kho bí mật sâu xa là chúng sinh tự bí mật mà thôi, không phải Đức Phật có che dấu. tự môn Ca chép: Tất cả các pháp xa lìa tác nghiệp, tiếng Phạm Ca-lý-da là nghĩa “tác nghiệp” như các ngoại đạo chấp có người làm, sai khiến người làm... Luận sư các bộ cũng nói có làm, có người làm, có tác pháp được dùng ba việc hòa hợp cho nên có quả báo.

Nếu nhân phương tiện Bát-nhã, nói có chắc chắn thì rơi vào không nhân, nếu rơi vào không nhân thì tất cả các pháp không có nhân quả, pháp năng sinh gọi là nhân, pháp sở sinh gọi là quả, đó là hai pháp vô. Làm, người làm, pháp được dùng, tội phước quả báo và đạo lý Niết-bàn, tất cả đều vô.

Lại nữa, làm, người làm nhân nhau đợ sinh, nếu chắc chắn có pháp làm thì phải chắc chắn có người làm, đều là không khác ngoại đạo luận nghị, như trong phẩm Quán Tác tác giả của Trung luận có nói rộng. Ở đây quán sát đúng làm và người làm... đều từ các duyên sinh, liền nhập vào mé vốn bất sinh. Mé vốn bất sinh ấy, có Phật hay không có Phật thì pháp nhĩ như thị, ai là người đầu tiên làm ra. Vì thế, cho nên nếu thấy chữ Ca thì biết tất cả các pháp đều do tạo tác mà thành, gọi là tự tướng. Nếu là người làm thì phải biết rõ ráo không làm gọi nghĩa là chân thật.

Tự môn Khư, tất cả các pháp sinh đồng với hư không, không thật có, tiếng Phạm chữ Khư nghĩa là hư không. Thế gian đều chấp nhận hư không là pháp vô sinh vô tác. Nếu tất cả pháp vốn bất sinh lìa các sự tạo tác thì rõ ráo như tướng hư không, nay tướng hư không này cũng không thật có. Vì sao? Như ở thế gian chỗ không có nên sắc gọi là tướng hư không, sắc là tác pháp vô thường, nếu sắc chưa sinh, sắc chưa sinh thì không diệt, bấy giờ không có tướng hư không. Vì có sắc nên có chỗ không sắc, chỗ không sắc gọi là không, trong phẩm Quán Lục chủng của Trung luận có nói rộng, nghĩa trong đây cũng giống như vậy. Nếu

sắc xưa nay bất sinh thì làm sao gọi là chỗ vô sắc, chỗ vô sắc không thể nói thì không có tướng nhất định của hư không.

Lại nữa, các pháp như tướng hư không đó là tướng Niết-bàn không lưỡng đối, như trong kinh nói: Năm ấm diệt không còn sinh năm ấm khác đó nghĩa là Niết-bàn. Nếu năm ấm xưa nay vô sinh thì nay đâu có hoại diệt mà Niết-bàn ư? Vì thế cho nên tướng như hư không cũng không thật có, đó nghĩa là chân thật của tự môn Khư.

Tự môn Nga, tất cả các pháp, tất cả hành đều không thật có. Tiếng Phạm Nga-đá (nhị hợp) đó gọi là hành. Hành nghĩa là đến đi, tiến lùi không dừng. Nay, từ tự môn A xoay vần giải thích, vì các pháp vốn bất sinh nên không có làm, vì không làm nên không có đối đãi, có thể nói là không, không tức là chỗ bất hành, chỗ bất hành còn không thật có, huống chi chỗ hành ư?

Trong phẩm Quán Khứ Lai của Trung luận nói nghĩa hành chỉ, vì nối nhau nên gọi là hành, giống như từ hạt lúa mọc mầm, lá, thân cây và vô minh duyên các hành... do đoạn diệt nên gọi là chỉ, giống như hạt lúa chết cho nên mầm, thân đều chết. Vô minh diệt thì các hành... đều diệt, nếu pháp đã hành thì không hành, đã hành cho nên chưa hành cũng không hành vì chưa có hành pháp. Do đó khi hành cũng vô hành, không xa lìa đã hành chưa hành.

Từ các môn quán sát như thế, rốt ráo vô hành, vô hành thì không có chỗ dừng lại, do vô hành vô chỉ cho nên không có người qua lại giữa các đường, cũng không có người trụ Niết-bàn.

Lại nữa, nếu người bất động bản xứ (chỗ gốc) thì liền là chỗ đến, nên biết người này không đi không đến, cho nên nói tất cả hành không thật có.

Tự Môn Già, tất cả các pháp hiệp một không thật có. Tiếng Phạm Già-na nghĩa là bí mật hòa hợp, giống như các tướng nhỏ hiệp thành một hạt cát bụi, các uẩn hiệp nhau làm thành một thân... Trong phẩm Quán hợp của Trung Luận, các Luận sư nói: Do ba việc thấy, có thể thấy và người thấy mà có vật được thấy, phải biết có sự hòa hợp giữa nghe, âm thanh được nghe và người nghe cho đến nhiễm, có thể nhiễm và người nhiễm... các phiến não đều cũng giống như vậy. Người đáp nói rằng, các vật đều do khác nhau nên có hòa hợp, nhưng nay tướng “dị” tất cả pháp không thật có.

Vì thế không hợp, như luận ấy có nói rộng, dùng tự môn xoay vần giải thích nhau, hãy dùng nghĩa “hành” để nói: Hễ có sở hành phải biết chắc chắn có ba việc cùng hợp là hành, có thể hành và người hành. Nay

tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên sẽ không chỗ hành, nếu không chỗ hành thì làm sao hành, vật được hành và người hành hòa hợp được?

Lại nữa, nếu các pháp mỗi tướng đều khác không bao giờ có lúc hòa hợp, nếu đến mé vốn bất sinh thì không có tướng khác cũng không thể hợp, vì thế cho nên tất cả các pháp rốt ráo không hợp.

Tự Môn Già, tất cả các pháp xa lìa tất cả sự thay đổi. Tiếng Phạm già dũ để tức nghĩa là thay đổi. Lại, tiếng Phạm Già-ly-da nghĩa là các hành, như khi thấy chữ Già liền biết các hành thay đổi không dừng.

Trong phẩm Quán Hành của Trung Luận chép: Các hành gọi là năm ấm, vì từ các hành sinh cho đến năm ấm đều là luống dối không có tướng chắc chắn, như dung mạo khi còn nhỏ cho đến dung mạo khi tuổi già. Trong thời gian đó niệm niệm không dừng, tánh phân biệt chắc chắn không thật có, tánh danh chắc chắn có, không thể đổi khác, như vàng ròng không thể biến đổi.

Nay các pháp tuy sinh nhưng không trụ ở tự tánh, do đó nên biết là không tánh, như luận ấy nói rộng. Nếu vô tánh tức là ban đầu không sinh, ban đầu không sinh tức là thân Như lai, thường hằng an trụ không có biến đổi.

Lại nữa, nếu tất cả các pháp là do hòa hợp mà thành thì có thay đổi. Nay các pháp vô sinh, vô tác, cho đến vô sở hành, cho nên sẽ không hòa hợp, không hòa hợp cho nên xa lìa tất cả biến đổi, tất cả các tự môn đều phải thuận, nghịch xoay vần giải thích nhau, không để quá ngại, nay y theo thứ lớp truyền trao cho nhau.

Tự Môn Xa, hình bóng tất cả các pháp không thật có. Tiếng Phạm Xa-dã nghĩa là hình bóng, giống như hình bóng con người đều nương vào tự thân, muôn pháp trong ba cõi như thế chỉ là thức tâm, nhân duyên thay đổi dường như có các cảnh, việc đó giống như trong kinh Mật Nghiêm có nói rộng, cho đến người tu Du-già có các việc không thể suy nghĩ bàn luận, hoặc có thể thấy các Đức Phật trong mười phương hiện khắp sắc thân, cũng đều là hình bóng của tâm, vì tâm vốn vô sinh cho nên phải biết hình bóng cũng không có sinh. Vì không có sinh cho nên tâm không biến đổi, hình bóng cũng không thay đổi. Vì sao? Vì như hình bóng tự không có tánh chắc chắn, đi đứng tùy theo thân, hình bóng của tâm cũng giống như vậy.

Do tâm xao động, nói lời vô nghĩa, không lúc nào có một niệm dừng trụ, cho nên muôn dụng ở thế gian cũng lại bị trôi lăn, nếu rõ biết tướng như thật của tâm, tướng của bóng cũng như thật, cho nên không thật có.

Tự Môn Nhạ, tất cả các pháp sinh không thật có. Tiếng Phạm Nhạ-đá-dã, nghĩa là sinh, như nắm bùn, dây thợ gốm... hòa hợp nên có bình, dùng đất đắp nền, rường nhà, đòn tay, bần cỏ, nhân công... do đó có sinh ra cái nhà.

Do đồ vật, nhân công, đun nấu... hòa hợp cho nên có sinh ra bơ, hạt giống, đất, nước, gió, lửa, hư không, thời tiết... hòa hợp mà có nảy sinh. Duyên sinh trong pháp cũng giống như vậy.

Vô minh, hành... mỗi thứ đều sinh nhân mà lại sinh. Thế nên nếu thấy tự môn nhạ thì biết các pháp đều từ duyên sinh, như nói kệ rằng: Pháp do các duyên sinh, tức là vô tự tánh. Nếu vô tự tánh thì làm sao có pháp ấy, vì thế sinh không thật có.

Luận sư ngoại đạo nói các tà nhân duyên, hoặc vô nhân duyên sinh ra tất cả pháp. Người trong Phật pháp cũng có sai lầm về phương tiện Bát-nhã, cho nên chấp lấy tướng nhân duyên sinh diệt, như trong luận có bác bỏ rộng.

Lại nữa, tự môn A thì các pháp bản tánh bất sinh, tự môn Nhạ lấy mười Dụ quán sát “sinh” tuy từ duyên có nhưng không thật có, nếu sinh chẳng bao giờ thật có thì không khác mé vô sinh.

Lại mười dụ là hình bóng của tâm không ra ngoài pháp giới, do đó sinh cũng không ra ngoài mé vô sinh.

Tự Môn Xã, tất cả các pháp chống trái nhau không thật có. Tiếng Phạm Xã-ma-la nghĩa là chiến đấu với quân địch. Nếu thấy chữ Xã thì biết tất cả các pháp đều có chiến đấu với quân địch, như pháp lành ở thế gian, pháp chẳng lành, ngược dòng sinh tử, thuận dòng sinh tử, bố thí, san tham, giữ giới cho đến trí tuệ, vô minh... lại đối đãi nhau hơn thua vô thường, cho đến Như lai xuất hiện ở thế gian đem tất cả trí lực phá các ma quân cũng gọi là chiến.

Nhưng đối với tất cả pháp nghĩa “ngã” không thành, trí tuệ, phiền não rốt ráo thuộc về ai? Mà nói Tỳ-bà-xá-na (quán) có công năng phá phiền não? Nếu nói khi sáng sinh thì tối diệt cho nên gọi là phá thì vì đã sinh cho nên phá hay là chưa sinh mà phá ư?

Đã sinh thì không tối, còn gì để phá? Chưa sinh thì tự không có thể thì cái gì có thể phá được. Nếu khi sinh gọi là nửa đã sinh, nửa chưa sinh, do đó tối sáng rốt ráo không đuổi kịp nhau.

Lại tất cả các pháp vốn không sinh cho nên không có hình bóng, liền đồng một tướng không ra ngoài “như”. Vì sao nói cõi Phật như đánh nhau với cõi ma như? Vì thế khi Phật ngồi đạo tràng chỉ hiểu rõ tất cả các pháp không đối đãi, nhưng thế gian bàn luận tự lập ra từ ngữ

chiến thắng .

Tự Môn Tra, tất cả các pháp kêu mạn không thật có. Tiếng Phạm Tra-ca-la nghĩa là mạn. Nghĩa là thấy pháp kia thấp kém, pháp này cao hơn, giống như trong ba cõi, sáu đường các thứ hơn thua khác nhau, đã khởi tâm kêu mạn khác nhau vô lượng. Nói sơ lược có bảy tướng, như trong Tỳ-đàm có nói rộng, cho đến người cầu ba thừa còn có sự nhận thức địa trên, địa dưới không bình đẳng.

Nay quán các pháp không sinh cho nên không đối đãi, thì biết A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đối với pháp bình đẳng không có cao thấp. Thế nên Như lai cũng gọi là Bồ-tát Nhất Thiết Kim Cang, cũng gọi là bậc Thánh tứ quả, cũng gọi là phàm phu ngoại đạo, cũng gọi là chúng sinh trong các đường ác, cũng gọi là người tà kiến, năm tội nghịch, đại bi Mạn-đồ-la chính là chỉ bày nghĩa này.

Tự Môn Trá, trong tất cả các pháp nuôi lớn không thật có. Tiếng Phạm Tỳ-trá-bát-na nghĩa là nuôi lớn, như ở thế gian hạt giống và năm đại làm nhân, thời tiết làm duyên, dần dần nuôi lớn thành quả trái.

Pháp bên trong cũng giống như vậy. Đối với nghiệp nhân hạt giống thức trung hạ, vô minh che lấp, nước ái thấm nhuần, lại được nuôi lớn, như trong kinh Đạo Vu nói rộng, nay kinh này trái với thế gian nhưng thuận với tám tâm ở thế gian, nối nhau lớn lên, cũng có nhân duyên cho đến tâm Bồ-đề thanh tịnh lấy năm tự môn làm duyên sinh gốc Đại bi, cây Ta-la Phật lớn lên đầy khắp pháp giới, như thế tất cả pháp đều do năm tự môn này, vốn không sinh lìa nói năng, tự tánh thanh tịnh, không có nhân duyên, giống như tướng hư không, do đó sự nuôi lớn không thật có.

Lại nữa, từ chữ A, Ca về sau cùng xoay vần giải thích cho đến các pháp rốt ráo bình đẳng không có cao thấp, vì không cao thấp, nên biết không có nuôi lớn.

Tự Môn Noa, tất cả các pháp oán đối không thật có. Tiếng Phạm nói Noa-ma-la nghĩa là oán đối, giống như ở thế gian thù ghét lại báo đền trở lại, cho nên gọi là đối.

Lại trước nói chiến đấu với quân địch là kia đây gia hại nhau, trong đây oán đối là nghĩa tránh hận thù. Tiếng Phạm mỗi chữ tự khác nhau.

Trong Tỳ-ni Đức Phật dạy: Dùng oán, oán ấy không bao giờ dứt, chỉ có không oán trả, oán, oán mới dứt.

Lại nói người nữ là kẻ oán của người phạm hạnh, kinh vô lượng nghĩa cũng chép: Sinh tử oán địch tự nhiên tan hoại, chứng vô sinh hẳn

bằng một nửa vật báu cõi nước Phật. Vì thế cho nên hành giả khi thấy tự môn Noa thì biết tất cả các pháp đều có oán đối, gọi là biết rõ “tự” tướng.

Lại, do các pháp vốn bất sinh cho đến nuôi lớn không thật có, phải biết oán đối cũng lại xưa nay bất sinh, cho đến không có nuôi lớn, vì thế Như lai rất ráo không hề có oán đối, gọi là nghĩa chân thật củ tự môn A.

Tự Môn Đồ là tất cả các pháp nắm giữ không thật có. Tiếng Phạm Thang-ca, nghĩa là nắm giữ, do trên chữ đồ có một chấm cho nên chuyển thanh là Thang, thể của chữ ấy thì đồng.

Lại nói là Nghiệt-lý-hà: Cũng là tên khác của đây. Kinh nói bị quỷ mị dựa nhập, hoặc nói bị chẳng phải loài người nắm giữ. Luận Trí Độ chép: Trước tương, đều là do quỷ Nghiệt-lý-hà làm ra, vì mê đắm người không cùng lia bỏ, cho nên lấy đó đặt tên. Mặt trời, mặt trăng, năm sao... kia, cũng là đầu cuối theo nhau. Tiếng Phạm gọi là Nghiệt-lý-hà, Hán dịch là cửu chấp, chính là cùng nhóm họp một chỗ.

Lịch Thiên Trúc gọi là Chánh trước thời, nghĩa chấp trì này khác với Đà-la. Thấy tự môn đồ này, thì biết tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay bị bốn ma nắm giữ không thể xa lìa, đó gọi là tướng của chữ.

Nay dùng chữ A... các môn lần lượt quán tất cả các pháp, đều không thật có, sẽ biết tất cả các pháp không có kẻ thù, vì kẻ thù vốn bất sinh, cuối cùng không đem pháp giới bình đẳng chấp trước pháp giới bình đẳng. Do đó nói tất cả các pháp chấp giữ không thật có.

Tự Môn Đa, tất cả các pháp như như không thật có. Tiếng Phạm Đa-tha-đa nghĩa là như như. Trong thế của lời nói gồm có tiếng đặc, chứng đặc như như tức là nghĩa giải thoát.

Như: nghĩa là tướng thật các pháp, các thứ lời nói vô nghĩa không hiểu như thật đều dứt trừ, bản tánh thường “như” không thể phá hoại. Nếu thấy tự môn Đa, thì biết tướng tất cả các pháp đều “như như”, đó gọi là “Tự” tướng. Nhưng có một loại ngoại đạo, chấp có tánh như như, nếu thấy biết pháp này có tên là giải thoát, dù chủ trương thuyết này thì chỉ là đối với ngã kiến chuyển thành tên khác.

Ngài Long Thọ vì trong kinh Thanh văn nói pháp trụ, cũng là nghĩa các pháp như như, sở dĩ nhập chưa sâu nên sinh ý tưởng diệt độ, cho là chứng Niết-bàn, nhưng sinh tử, Niết-bàn là pháp đối đãi.

Nếu biết sinh tử từ xưa đến nay, thường tự như tướng Niết-bàn, thì đời người nào nói là Niết-bàn? Thế nên tất cả các pháp rất ráo không thật không hư, không như, chẳng khác.

Trung luận cũng nói: Mé thật của Niết-bàn và mé thế gian, hai mé như vậy không khác một mảy may, do không khác nhau, cho nên tất cả các pháp không có kẻ thù, không có kẻ thù cho nên không chấp giữ, không chấp giữ cho nên cũng vô như như giải thoát.

Tự Môn Tha, chỗ ở tất cả các pháp không thật có. Tiếng Phạm Tát-tha-na là nghĩa trụ xứ, cũng là nghĩa trụ, giống như người từ trụ xứ này đến chỗ ở nào đó, chỗ nương ở kia đã nói gọi là trụ, địa vị của Hiền Thánh cũng vậy.

Căn cứ vào chỗ nương ở, chỗ dừng nghỉ của tâm những người hành đạo, nói các thứ tên, nếu khi thấy tự môn Tha, liền biết tất cả các pháp đều đợi duyên mới thành. Do đó nên biết đều có chỗ nương ở, đó là tướng tự. Nhưng các pháp xưa nay vô sinh, cho đến như như giải thoát cũng không thật có thì không đi, không đến, không hành, không trụ như thế trong tướng vắng lặng, thì đâu có thứ lớp giai vị gì?

Lại nữa, khi nhập tự môn Đa, hiểu rõ các pháp đều không, không trụ trong sinh tử tức là như như này cũng không thật có, không trụ trong Niết-bàn.

Bấy giờ, chỗ đi đều dứt, các giai vị đều hết, ấy gọi là không trụ pháp, trụ vào đại trụ của Như lai.

Tự Môn Na, tất cả các pháp thí không thật có. Tiếng Phạm Đà-na nghĩa là xả thí, nếu thấy chữ Na liền biết tướng tất cả các pháp đều là tướng đáng xả. Vì sao? Vì tất cả các pháp hòa hợp ở duyên, không an trụ vững chắc, nếu đối với chấp trước sinh ái, chắc chắn bị đốt cháy, cho đến các Bồ-tát Thập địa, ở địa mình đã sinh công đức mầu nhiệm thanh tịnh, nhưng chưa xả bỏ bờ bên kia, cho nên còn có sự lui sụt không thể suy nghĩ bàn luận không gọi là chỗ an vui bậc nhất. Nay quán các pháp vô sinh, người thí, chỗ thí, và vật được thí xưa nay đều bất sinh, cho đến tất cả các pháp không chỗ trú, do không chỗ trú nên ba việc này cũng không chỗ trú, cho nên Đức Phật ngồi tại đạo tràng, đều không chỗ đắc, cũng không chỗ xả, trong Hư không tạng chẳng chứa uẩn nào, nhưng phổ môn lưu xuất ra khắp thí cho chúng sinh, ấy gọi là thấy tướng thật của đàn, cũng gọi là đầy đủ Đàn ba-la-mật; lại kho báu bí mật của Như lai đều là pháp như thế, có chỗ nói không thể trao cho người. Nếu khi thí cho người khác thì trở lại từ trong nhà tâm chúng sinh mở ra mà thôi. Vì thế, trong kinh nói: Tất cả các pháp bố thí không thật có ấy là nghĩa chân thật của tự môn A.

Tự Môn Đà, tất cả các pháp pháp giới không thật có. Tiếng Phạm Đạt-ma-đà-độ, Hán dịch là pháp giới. Giới là nghĩa thể, nghĩa phần.

Xá-lợi Phật cũng gọi là Như lai đà-độ, ý nói là thân phần của Như lai.

Nếu thấy tự môn Đà thì biết tất cả các pháp thấy đều có thể, nghĩa là lấy pháp giới làm thể. Vì sao? Vì nếu lìa tướng thật các pháp thì nghĩa “thể” tất cả các pháp không thành. Pháp giới: Chính là tâm giới, do tâm giới vốn vô sinh, nên phải biết pháp giới vốn vô sinh, cho đến tâm giới không đặc, không xả nên biết pháp giới cũng không đặc, không xả, xả còn tự không, không có pháp để xả, huống chi là đặc hay sao? Nếu pháp giới là tướng có thể đặc thì đó là từ các nhân duyên sinh. Nếu các nhân duyên sinh, phải biết tự nó không có bản thể, huống chi là các “pháp thể”, cho nên pháp giới ấy chỉ là tự chứng thường tâm, không có pháp riêng.

Lại nữa, Như lai đại thí, cái gọi là đại Bi Mạn-đồ-la pháp giới: Tức là tướng thật của Phổ môn, tướng thật như thế, không thể dùng thần lực che chở chỉ bày cho người, cho nên không có pháp nào thật có.

Tự Môn Ba, tất cả các pháp Đệ nhất nghĩa để không thật có. Tiếng Phạm Ba-la-ma-tha, Hán dịch là Đệ nhất nghĩa, hoặc nói là thắng nghĩa, Tát-đề-dã, Hán dịch là Đế, nghĩa để ở tự môn Sa có nói: Nay tự môn Ba này chính là nói Đệ nhất nghĩa tướng.

Long Thọ nói: Đệ nhất nghĩa gọi là tướng thật các pháp, không phá, không hoại.

Lại nữa, bậc nhất trong các pháp gọi là Niết-bàn, như A-tỳ-đàm chép: pháp Vô thượng là thế nào? Nghĩa là trí duyên hết, trí duyên hết tức là Niết-bàn. Nếu thấy chữ ba thì biết tất cả các pháp không lìa Đệ nhất nghĩa, Đệ nhất nghĩa không lìa tướng thật các pháp, đó là tướng của chữ. Nếu nghĩa chân thật của tự môn thì Đệ nhất nghĩa cũng không thật có. Vì sao? Vì vô ái vô trước.

Trí luận lại chép: Do chúng sinh mê đắm âm thanh Niết-bàn, mà nói những lời vô nghĩa, hoặc có hoặc không, để phá sự chấp trước ấy cho nên nói Niết-bàn là không, đó gọi là Đệ nhất nghĩa không, không phải phá sở đặc trong tâm bậc Thánh, vì bậc Thánh đối với tất cả các pháp không chấp trước.

Lại nữa, tất cả các pháp đều nhập pháp giới bình đẳng thì không có cao thấp, há muốn cho trong pháp vô sinh có tướng hơn, thua hay sao? Vì thế cho nên Đệ nhất nghĩa không thật có.

Tự Phả Môn, tất cả các pháp không vững chắc, giống như chùm bọt nước,. Tiếng Phạm Phái-nô, Hán dịch là chùm bọt nước, như trong nước lớn sóng vỗ dữ tợn, đánh vào nhau mà thành chùm bọt nước, có các tướng sinh, cho đến kết chặt lại giữ gìn nhau nên có sự bền vững.

Nhưng quán sát tất cả từ thô đến tế, chỉ là duyên, vì từ duyên nên không thể nắm bắt, đều không có thật tánh. Đến mé gốc của nó thì nêu thể là nước đều không thật sinh.

Nay các thứ năm ấm ở thế gian cũng giống như thế; nay nhiếp ngọn trở về gốc, bỏ tướng theo thức mà quán, cho đến như mé ty, hốt chỉ hơi động đập, đều là xoay vần theo duyên, nếu từ các duyên sinh thì không có tự tánh, nếu không có tự tánh, phải biết sinh tức là bất sinh, cho đến mé vốn bất sinh, chỉ là biển tâm tánh, nhưng tùy theo vọng tình trong sáu đường mà có thế giới.

Biển tâm tánh tức là pháp giới, pháp giới chính là Niết-bàn thắng nghĩa. Nếu khi thấy được như vậy, lại dù sóng lớn vỗ mạnh làm ra các phổ hiện sắc thân, cũng không làm hoại tánh lặng trong.

Tự Môn Ra, tất cả các pháp trói buộc không thật có. Tiếng Phạm là Mãn-đà, Hán dịch là phược, như người bị dây trói buộc không thể chuyển động, đó nghĩa là trói buộc, nếu khi dùng những phương tiện mở những thắt buộc ra thì gọi là giải thoát. Nếu lia thân, dây, không có pháp buộc mở riêng, như trời Đế-thích dùng dây vô cùng nhỏ bé trói buộc vua A-tu-la, đặt trên tầng trời Dao-lợi, khi khởi niệm muốn trở về thì năm phược đã ở tại thân.

Nếu khi dứt niệm thì trói buộc tự mở trừ, nếu Ba-tuần giăng lưới. Lại hơn đây gấp trăm ngàn lần, hướng chi những nghiệp phiền não vô vi trói buộc ư? Tóm lại, nếu lia các nhân duyên không rơi vào các pháp số mới gọi là không trói buộc, đó nghĩa là của chữ. Trung luận chép: Lia năm ấm có chúng sinh riêng thì phải đem năm ấm trói buộc chúng sinh, nhưng thật ra lia năm ấm không có chúng sinh. Nếu lia năm ấm có phiền não riêng thì lẽ ra đừng lấy phiền não trói buộc năm ấm, nhưng thật lia năm ấm không có phiền não. Do các nhân duyên như thế phải biết không có trói buộc, không trói buộc thì không có cởi mở, không buộc mở vì thế Niết-bàn chính là sinh tử. Như trong phẩm Quán Phược Giả chép: Lại nữa, nếu các pháp xưa nay bất sinh cho đến như chum bọt nước, trong đó ai là năng giải, ai là sở buộc, vì thế cho nên các trói buộc không thật có.

Tự Môn Bà, tất cả các pháp, tất cả hữu không thật có. Tiếng Phạm Bà Phạ, Hán dịch là hữu. Hữu: Nghĩa là ba cõi, cho đến hai mươi lăm cõi... Nếu thấy chữ Bà thì biết tất cả pháp đều có nhân duyên, các duyên hợp cho nên gọi là hữu chắc chắn không có tánh. Vì sao? Nếu pháp “Hữu” chắc chắn có hữu tướng thì cuối cùng chẳng có vô tướng, đó tức là thường, Như lai nói ba đời, trong vị lai có pháp tướng, pháp đó

đến hiện tại chuyển vào quá khứ, không xa lìa tướng gốc nên rơi vào thường kiến. Nếu nói chắc chắn có “vô” thì vô này phải trước có nay không, đó là đoạn diệt kiến, do hai kiến ấy nên xa lìa Phật pháp. Như trong phần phá hữu vô của Trung luận có nói rộng: Nay quán các hữu, từ duyên tức nghĩa là vốn bất sinh.

Vì vốn bất sinh cho nên không tạo không làm, cho đến không trói, không mở, do đó tự môn Bà vì từ duyên có nên đầy đủ tất cả tự môn. Nếu đầy đủ tất cả tự môn tức là Tam-muội Vương, Tam-muội có công năng phá hai mươi lăm hữu của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, do nghĩa này nên gọi là phá hữu pháp vương.

Tự Môn Dĩ, tất cả các pháp, tất cả thừa không thật có. Tiếng Phạm là Diễn-na, Hán dịch là Thừa, cũng gọi là Đạo, như người cỡi xe ngựa hoặc đi thuyền thì có thể gánh vác việc nặng, rất xa có thể đến được.

Nếu thấy tự môn Dĩ thì biết tất cả chúng sinh do các nhân duyên, hưởng đến quả báo sinh tử và hưởng về Niết-bàn đều có chỗ nương, phải biết vô lượng các thừa đều là Phật thừa, gọi là tướng của chữ. Nay quán các pháp vốn bất sinh tức là không đi, không đứng, không động, không lui, trong đó cái gì là thừa và phải nương vào pháp nào?

Lại nữa, thừa ấy từ trong ba cõi mà ra đến Tát-bà-nhã, năm trăm do-tuần đều là chỗ thật, muốn đi đường nào, đi đến chỗ nào? Vì thế cho nên thừa không thật có, mới gọi là Đại thừa đạo.

Tự Môn Ra, tất cả các pháp lìa tất cả trần nhiễm. Tiếng Phạm La-thệ, nghĩa là trần nhiễm. Trần: là nơi hành xử của vọng tình, cho nên nói sáu căn như mắt... đi trong sáu trần như sắc... nếu thấy tự môn La thì biết tất cả các pháp có thể thấy, nghe, xúc, biết đều là tướng trần, giống như áo sạch bị bụi đất làm dơ, cũng như bụi bay mù mịt, khiến bầu trời mờ đục, mặt trời, mặt trăng không sáng, đó là tướng của chữ.

Trung Quán dùng các pháp môn để cầu thấy pháp, nhưng không có người thấy, không có người thấy thì ai có thể thấy pháp phân biệt sắc bên ngoài? Thấy, có thể thấy, thấy pháp đều là không, cho nên bốn pháp: Thức, xúc, thọ và ái đều không, do không ái cho nên mười hai Nhân duyên cũng không. Vì thế khi mắt thấy sắc là tướng Niết-bàn, các trần khác so sánh cũng giống như vậy.

Lại nữa, đem tự môn A lần lượt quán sát các Trần, do kia vốn bất sinh cho nên không có tạo tác, cho đến không chỗ nương, pháp nương và người nương, phải biết pháp có thể thấy, nghe, hay, biết, đều là pháp giới thanh tịnh, há đem pháp giới thanh tịnh làm ô nhiễm sáu căn

của Như lai sao? Kinh Ương-quật-ma-la, Phật dùng mắt thường đầy đủ không mắt, thấy rõ thường sắc, cho đến ý pháp cũng giống như vậy. Đó nghĩa là chân thật của tự môn Ra.

Tự Môn La, tất cả các pháp, tất cả tướng không thật có. Tiếng Phạm La-ngật-sái, Hán dịch là tướng, có chỗ nói tánh, tướng không khác nhau.

Như nói tánh của lửa tức là tướng nóng, hoặc nói có khác nhau chút ít, tánh là nói thể ấy, tướng nói có thể biết, như đệ tử Phật thọ trì giới cấm, đó là tánh. Cạo đầu, nhuộm áo là tướng. Nếu thấy tự môn La thì biết tất cả các pháp đều có tướng, tướng có hai thứ:

1. Tướng chung: Nghĩa là tướng vô thường, khổ, không, vô ngã.
2. Tướng riêng: Nghĩa là các pháp tuy vô thường, vô ngã nhưng mỗi pháp đều có tướng.

Ví dụ như đất thì bền chắc, nước thì ướt, lửa thì nóng, gió chuyển động... xả là tướng thí, không hối không não là tướng giữ giới, tâm không đổi khác là tướng nhẫn, khởi việc siêng năng là tướng tinh tấn, nhiếp tâm là tướng thiền, không chấp đắm là tướng tuệ, thành tựu sự nghiệp là tướng phương tiện, dật làm sinh tử là tướng thế gian, không dật là tướng Niết-bàn... Nay quán thể tánh các pháp hữu vi, vô vi đều là không, tướng này cùng cái gì làm tướng? Như phẩm Tam Tướng trong Trung Luận và luận Thập Nhị Môn nói rộng.

Lại nữa, trong pháp giới thanh tịnh, một trăm sáu mươi tâm... các tướng vốn bất sinh thì không tạo tác, không tạo tác cho nên thậm chí rốt ráo không có trần, không trần vì thế lia tất cả tướng, do lia tất cả tướng nên gọi là các Đức Phật tự chứng Tam-bồ-đề.

Tự Môn Phạ, tất cả các pháp đường lời nói dứt. Tiếng Phạm Phạ-kiếp-ba, dịch là nói năng. Nếu khi thấy chữ Phạ thì biết các pháp không lia địa vị nói năng, vì thế các pháp đều có nhân, có duyên.

Nếu pháp xưa nay bất sinh thì đó là lia các nhân duyên, do đó đường lời nói dứt.

Nếu tướng hư không là có tướng thì có thể giảng nói, do các pháp như tướng hư không lại cũng vô tướng, vì thế cho nên đường lời nói dứt.

Nếu pháp có hành, có thay đổi, có hình bóng thì có thể giảng nói. Nếu không chuyển động, không biến đổi, không hình bóng thì đường lời nói dứt.

Cho đến các pháp đều là có tướng thì có thể giảng nói. Nay tất cả các pháp lia tất cả tướng, do đó không thể chỉ bày, không thể truyền

trao cho người, thế nên đường lời nói dứt. Lại nữa, nếu pháp là tướng làm ra thì có thể tuyên thuyết, không phải tướng làm ra thì đường nói năng dứt

Lại nữa, vô tướng cũng không có tướng chắc chắn, phải biết tất cả pháp ngay nơi tướng là vô tướng, tức chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, như ba mắt kia không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên đường lời nói dứt. Các pháp môn khác so sánh đây có thể biết.

Tự Môn Xa, tất cả các pháp bản tánh vắng lặng. Tiếng Phạm Phiến-để, Hán dịch là Tịch. Như phàm phu ở thế gian, tâm được chút ít yên lặng, dừng nghỉ sự ồn ào náo động, cũng gọi là Tịch, cho đến hàng Nhị thừa... dứt hẳn các hành luân hồi, chứng đắc Niết-bàn cũng gọi là Tịch, nhưng không phải bản tánh thường tịch. Vì sao? Vì các pháp từ xưa đến nay tướng thường vắng lặng, ba cõi sáu đường thì cõi nào đường nào không phải Niết-bàn? Khi trí vô lậu sinh lại đâu khác gì phàm phu, mà nay riêng ở trong đó có tư tưởng diệt độ, há không điên đảo hay sao?

Lại nếu các pháp bản tánh vắng lặng thì đối với bốn mươi hai địa, địa nào không phải Như lai địa? Địa nào không phải phàm phu địa? Như Bồ-tát Di-lặc do bản tánh vắng lặng, được thọ ký một đời, tất cả các pháp chúng sinh lẽ ra cũng đều được thọ ký, nếu tất cả chúng sinh ở trong bản tánh vắng lặng thì không trở ngại người tu học việc phàm phu. Bồ-tát Di-lặc lẽ ra cũng tu học việc phàm phu mà nay có tư tưởng khác nhau, đâu không phải là nói rộng ư? Nếu khi nhập tự môn Xa thì biết đó là pháp bình đẳng, không có cao thấp, thường không hành động gì, mà không gì không làm, do đó nói trong giải thoát phần nhiều đã dung thọ, Đại Bát Niết-bàn lập lên nghĩa lớn, đều là do đây.

Tự Môn Sa, tất cả các pháp tánh động: Nếu bản Phạm còn, phải nói tánh động với ngoan (dốt nát). Ngoan: Nghĩa là giống như gỗ, đá, không hiểu biết gì, nghĩa là không có xúc thọ, đã nói đồng là nói lời ví dụ, chẳng phải một bề đồng với kia.

Lại Đại Phẩm chép Bát-nhã vô tri, tự tánh đần độn, tức là hợp với nghĩ tự môn A này, cho nên lời văn hay đẹp, người xưa dịch còn lại. Xét, Tự tánh động tức là điểm cuối cùng của tâm vô phân biệt, không ngu, không trí, không tuệ, không thức, không trí, không vọng, không giác, cho đến tất cả các pháp không thể lay động, chỉ là hoàn toàn kim cang địa bền vững mà thôi. Vì sao? Vì như người thế gian do thủ xả không quên, chuộng trí tuệ mà bỏ ngu si, trọng Niết-bàn mà khinh sinh tử, nhưng nay tất cả vốn bất sinh, cho đến tất cả bản tánh vắng lặng thì

người nào lợi, người nào độn? Như kim cang sắc nhọn kia, đem ứng với vật không bền, do sử dụng lệch về một bên thì gọi là sắc. Nếu khiến chỗ nhằm vào đều là kim cang, tất cả thể đều đầy đủ không thể dùng thiên lệch thì tướng sắc bén cũng trở về độn.

Tự Môn Sa, tất cả các pháp, tất cả không thật có. Tiếng Phạm Tát-dã, Hán dịch là đế. Đế: Nghĩa là như tướng chân thật của các pháp mà hiểu không điên đảo, không sai lầm; như nói mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng. Phật nói “khổ đế” không thể làm cho khác được, tập thật là nhân không còn nhân nào khác, nhân diệt thì quả diệt, con đường diệt khổ tức là con đường chân chính, không còn con đường nào khác.

Lại nữa, kinh Niết-bàn chép: Giải khổ, không còn khổ cho nên không khổ và có ba chân đế, còn lại cũng giống như vậy, cho đến phân biệt Tứ đế có vô lượng tướng và một đế chân thật, như trong phẩm Thánh Hạnh chép: Đó là tướng cử tự môn A, nhưng tất cả các pháp vốn bất sinh cho nên rốt ráo vô tướng, cho nên đường lời nói dứt.

Bản tánh vắng lặng cho nên tự tánh độn, phải biết không thấy, không đoan, không chứng, không tu, đều là pháp giới không thể suy nghĩ bàn luận, vừa không, vừa giả, vừa trung, không thật, không đối, không có tướng chắc chắn để chỉ bày, do đó nói đế không thật có, phẩm Tứ Đế trong Trung Luận cũng phân biệt rộng nghĩa ấy.

Tự Môn Ha, tất cả các pháp nhân không thật có. Tiếng Phạm Hệt-đát-phạ tức nghĩa là nhân. Nhân có sáu thức và trong nghĩa nhân duyên thì nhân có năm thức, như A-tỳ-đàm có nói rộng: Nếu thấy Tự Môn Ha thì biết tất cả các pháp đều từ nhân duyên sinh, đó là tướng của chữ. Vì các pháp lần lượt đọi nhân thành tự, phải biết cuối cùng không nương dựa, cho nên nói vô trụ là gốc các pháp. Vì sao? Vì như Trung Luận, dùng các pháp môn để quán nhân duyên các pháp, thấy đều bất sinh, phải biết muôn pháp duy tâm, tướng thật của tâm tức là Nhất thiết chủng trí, tức là pháp giới các Đức Phật, pháp giới tức là thể của các pháp này không được làm nhân.

Vì thế nói, nhân cũng là pháp giới, duyên cũng là pháp giới, pháp do nhân duyên sinh cũng là pháp giới. Trước nói tự môn A từ ngọn trở về gốc, rốt ráo đến chỗ như vậy.

Nay tự môn Ha cũng từ ngọn trở về gốc, rốt ráo đến chỗ như vậy. Chữ A từ vốn bất sinh sinh ra tất cả các pháp, nay cũng lấy vô nhân làm nhân các pháp, đầu cuối đều về thì chỉ thú ở giữa đều có thể biết.

Lại nữa, toàn Đà-la-ni Tự luân tướng: trong đây nghĩa là dùng một

chữ giải thích nghĩa tất cả chữ, dùng tất cả chữ giải thích nghĩa một chữ. Dùng nghĩa một chữ thành lập tất cả chữ, dùng nghĩa tất cả chữ thành lập một chữ. Dùng nghĩa một chữ phá nghĩa tất cả chữ, dùng nghĩa tất cả chữ phá nghĩa một chữ, như một chữ tất cả chữ nghịch thuận xoay vần lẽ theo đây có thể biết.

Vì sao dùng một chữ giải thích tất cả chữ? Như khi giải thích chữ Ca chỉ dùng các nhân duyên quán sát vốn bất sinh thì thấy nghĩa vô sở tác, cho đến khi giải thích chữ Ha cũng dùng các nhân duyên quán sát vốn bất sinh thì thấy nghĩa vô nhân. Vì sao dùng tất cả chữ giải thích một chữ? Như khi giải thích chữ A dùng các nhân duyên quán sát không tạo tác thì thấy nghĩa vốn bất sinh cho đến dùng các nhân duyên quán các pháp không nhân thì thấy nghĩa vốn bất sinh các chữ khác so sánh theo đây cũng vậy.

Phải nói rộng, vì sao tất cả chữ thành lập một chữ? nghĩa là tất cả pháp vốn bất sinh do không tạo tác. Giống như hư không không có tướng, không chuyển biến, không hòa hợp, cho đến không có nhân.

Vì sao nói một chữ thành lập tất cả chữ? Nghĩa là tất cả các pháp không chữ làm ra, do đó nói vốn bất sinh, cho đến tất cả các pháp không có nhân, vì vốn bất sinh.

Làm sao dùng tất cả chữ bác bỏ một chữ? Như người chấp các pháp hữu vốn có sinh, lẽ ra bác bỏ lời nói kia. Nếu các pháp lìa tạo tác mà nói có sinh, nghĩa ấy không đúng, cho đến các pháp nhân không thật có mà nói có sinh, nghĩa ấy cũng không đúng.

Thế nào là một chữ phá tất cả chữ? Giống như người chấp có tạo tác lẽ ra bác bỏ lời nói kia. Nếu các pháp, nghĩa vốn bất sinh rồi thành lập mà nói có làm ra, nghĩa ấy không đúng, cho đến chấp có nhân cũng phá lời kia. Nếu các pháp, nghĩa vốn bất sinh sau thành lập mà nói có nhân thì nghĩa ấy không đúng.

Thế nào là nghịch thuận xoay chuyển? Cái gọi là nếu pháp xưa nay bất sinh thì không tạo tác, nếu không tạo tác thì như hư không vô tướng, nếu như hư không vô tướng thì tức vô mà có hành, nếu không có hành thì không có hòa hợp, nếu không có sự hòa hiệp thì không thay đổi, cho đến nếu vô nhân thì phải biết pháp vốn bất sinh, đó gọi là thuận.

Nếu pháp không nhân thì “đế” không thật có, nếu đế không thật có thì chữ tánh chậm lụt, nếu chữ tánh chậm lụt thì phải biết bản tánh vắng lặng.

Nếu bản tánh vắng lặng thì phải biết vô tướng. Cho đến nếu vốn

bất sinh thì phải biết vô nhân, tám nghĩa môn này, tự tại xoay chuyển mà nói.

Lại nữa, nay nói tất cả pháp, đó là tướng chung. Nếu y theo kinh Ma-ha Bát-nhã thì sắc cho đến Nhất thiết chủng trí mỗi thứ đều nói riêng, nghĩa thì vô lượng.

Lại mỗi môn phải y theo tướng sâu cạn trong phẩm Chân ngôn Trụ Tâm, theo thứ lớp phân biệt, do tự môn chuyển nên nghĩa cũng khác nhau. Vì thế nghĩa ấy có công năng phát sinh ra trăm ngàn muôn ức triền Đà-la-ni.

Lại nữa, tất cả lời nói của Như lai đều là lời chân thật nên đem nghĩa chữ như thế vào khắp tất cả Tu-đa-la.

Vì thế luận Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát nghe tất cả lời trong chữ A, thì ngay lúc ấy tùy theo nghĩa, biết cái gọi là tất cả pháp từ xưa đến nay là tướng bất sinh (A-đề, đời Tần dịch là sơ, A-nậu-ba-đà, đời Tần dịch là bất sinh).

Nếu nghe chữ La liền tùy theo nghĩa biết tất cả các pháp lia tướng (chữ La, đời Tần dịch là cấu) nếu nghe chữ Ba thì biết tất cả các pháp nhập vào Đệ nhất nghĩa (Ba-la-mạn-đà, đời Tần dịch là Đệ nhất nghĩa).

Nếu nghe chữ Gia liền biết tất cả hành đều chẳng phải hành (Già-lợi-da, đời Tần dịch là hành).

Nếu nghe chữ Na thì biết tất cả pháp không được, không mất, không đến, không đi (Na, đời Tần dịch là bất) Như phẩm Tứ niệm xứ trong luận ấy có nói rộng.

Lại nữa, trong tất cả danh ngôn có thanh A đều nhập tự môn A, có thanh Ca đều nhập tự môn Ca, cho đến có thanh Ha đều nhập tự môn Ha, vì thế cho nên trong một tự môn đầy đủ vô lượng nghĩa, không phải từ trong tự môn Ha chỉ có nghĩa vô nhân.

Các tự môn khác phải biết so sánh theo đây. Hơn nữa, như Sa-đá-dã nghĩa là Đế, cho nên kinh chép: tự môn Sa tất cả các pháp đế không thật có, lại Sa-đá nghĩa là trước. Vì thế trong pháp cúng dường nói: tự môn Sa tất cả các pháp không nhiễm đấm, lại như Bà-phạ nghĩa là hữu, do đó kinh chép: tự môn Bà tất cả các pháp hữu không thật có, lại Bà-phạ-na nghĩa là quán, cho nên trong pháp cúng dường nói: tự môn Bà tất cả các pháp xa lìa các quán, ngoài ra đều mô phỏng theo đây.

Vì thế kinh Đại Phẩm và phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm đều nói bốn mươi hai Tự môn, phẩm Văn Tự trong kinh Bát-nhã, kinh Văn-thù Sở Vấn, phẩm Đà-la-ni Tự Tại Vương trong kinh Đại

Tập đều giải thích Tất-đàm, tự mẫu nghĩa đồng với kinh này nói, nếu được ý này thì các kinh tự nhiên hiểu biết, không có gì ngăn ngại.

Lại nữa, mỗi tự môn đều nói không thật có, các pháp môn so sánh đều như thế, không thể nêu hết.

Kinh chép: Nay Bí Mật Chủ! Ngưỡng ngưỡng ninh nằng mằng, trong tất cả Tam-muội tự tại có thể nhanh chóng làm xong các việc, gọi là nghĩa lợi thủy đều thành tựu, đối với năm thứ thanh: Ca, già, tra, đa, ba, mỗi thanh lại có năm chữ.

Chữ thứ nhất đến chữ thứ tư đều là tuệ môn, như trước đã nói, chữ thứ năm đều là chứng môn, nay hiệp lại để nói: Sách Phạm dùng năm chữ này đều có chấm tròn.

Hơn nữa, như bốn chữ Ca, Khư, Nga, Già tăng thêm thanh thứ mười một đều ở trên đầu có một chấm. Nếu muốn bỏ chấm này, lại ở trên chữ sau cùng đính thêm chữ ngưỡng... chữ kia liền cùng có chấm không khác.

Lại trong mười hai thanh của chữ Phạm, chữ thứ nhất là bản thể thì chữ thứ hai là hành, thứ ba về sau vì các nét vẽ tăng thêm nên đều gọi là Tam-muội, trên chữ thứ mười một đặt dấu chấm là chứng, chữ thứ mười hai là ở một bên đặt hai dấu chấm là Bát-niết-bàn. Nếu chữ ngưỡng này có thể khắp trí tuệ Tam-muội thanh thì phải biết chính là nghĩa Đại không, vì thế nói riêng, không hợp lại để nói với tướng chữ trước. Kinh Niết-bàn chép: Năm chữ này nói đầy đủ nghĩa chữ. Nay tông Tỳ-lô-giá-na nương vào năm chữ này để nói về đại không, đại không là chứng xứ, không có pháp để nói, cho nên chỉ dùng dấu chấm để tiêu biểu.

Lại dấu chấm này, tuy tự thể vô môn nhưng khắp tất cả pháp môn, giống như hư không xa lìa các tướng, mà bao trùm muôn vật. Vì thế tất cả tự môn nếu thêm dấu chấm không có tác dụng tự tại, đều có thể thành tựu các việc.

Hơn nữa, như tự môn A diệu tuệ vô sinh, tất cả chúng sinh đều có, chỉ vì không tự chứng biết, giống như người nữ nghèo hèn không thể được thế lực của kho báu kia, khi phát hành như phương tiện mở mang, khi nhập chúng như kho báu hiện ra, bấy giờ tùy ý thọ dụng, chỗ mong cầu chắc chắn đạt được. Do đó nói thêm điểm không này, nghĩa lợi ba cõi đều được thành tựu.

Tiếp theo trong kệ do Đức Thế-tôn nói có chép: Chân ngôn Tam-muội môn đầy đủ tất cả nguyện: Bản Phạm còn đủ nên ở dưới chân ngôn còn thêm chữ Đạo, người làm thêm một đường viền trụ trong chữ

A thì gọi là A Tự Tam-muội, Tam-muội A Tự này liền khai tâm sáng Đạo môn, tất cả chữ khác cũng giống như vậy.

Nhất thiết nguyện, tiếng Phạm là Tát-phạ-xa, là nguyện do tâm này cầu nguyện, nghĩa là các chúng sinh tu Tam-muội môn này, tất cả chí mong cầu đều được viên mãn, tức là quả không thể suy nghĩ bàn luận của các Đức Như lai. Quả thường trụ, trí vô sư còn có thể ban cho chúng sinh, huống chi cầu xin Tát-địa thế gian?

Lại nữa, mỗi tướng thật thanh tự Tam-muội môn của Như lai, có Phật hay không Phật thì pháp vẫn như thế, tức là không chuyển động, tức là bản địa pháp thân của Như lai. Vì muốn đem pháp thân này khắp thí cho chúng sinh, nên lại dùng thân lực tự tại gia trì pháp nhĩ thanh tự như thế.

Vì thế thanh tự này là thân các Đức Phật gia trì, thân gia trì này liền có thể khắp làm ra thân tùy theo loại, không chỗ nào không có mặt, phải biết gia trì thanh tự cũng giống như vậy.

Cho nên hành giả chỉ nhất tâm duyên theo đạo lý quán sát chữ thanh này, tự sẽ thấy thân gia trì của Phật. Nếu thấy thân gia trì thì thấy pháp thân bản địa, nếu khi thấy pháp thân bản địa thì chính là tự thân hành giả, cho nên một chữ một môn tức là quả không thể suy nghĩ bàn luận của Như lai, không phải từ chỗ khác đến. Đây đủ các nguyện thù thắng, chân ngôn quyết định nghĩa, bản Phạm vẫn còn, phải nói đầy đủ tất cả nguyện thù thắng đã có, nghĩa chân thật chân ngôn quyết định, thắng nguyện trong đây, tiếng Phạm là Phạ-lư, là đầy đủ các công đức cao quý, cái gọi là Tam-muội tổng trì vô úy... chỗ nguyện đã đầy, chỗ cầu đã đủ, cùng chữ nguyện trước tiếng Phạm đều khác.

Nói quyết định: lại như chữ A hoặc thanh hoặc chữ nêu thể bất sinh, nghĩa của chữ thanh thì hoàn toàn nêu thể bất sinh. Nếu khi chứng thì trở lại chứng thể bất sinh này, ở giữa đó không có xen lẫn, cũng không có đường khác. Nếu khi thấy nghĩa chân thật này, dù cho các Đức Phật trong mười phương cùng một lúc hiện ra nói các thứ tướng tự Ba-la-mật, muốn làm cho thay đổi tâm người ấy nhưng cũng không sinh nghi ngờ, do đó nói là quyết định.

Lại nữa, đây đủ các thắng nguyện, là công đức nội chứng của Như lai nhiều như số cát bụi trong mười thế giới, nhờ quyết định nên mỗi mỗi đều thành kim cang ấn, từ thân tự chứng này lại khởi thân gia trì, rằng vượt qua ba đời. Vô cấu đồng với hư không: Tức là tâm địa thanh tịnh vô cấu không thể suy nghĩ bàn luận, dùng phương tiện lớn, ở trên đất này vẽ Phổ môn Mạn-đồ-la. Vì thế kinh chép: Trụ tâm không thể

suy nghĩ bàn luận, khởi làm các sự nghiệp, bản Phạm nói đủ là tâm địa (đất tâm) vì trong kệ năm chữ thành câu, không thể viết thêm nhưng địa chính là tâm thể, do đó chỉ nói trụ tâm không thể suy nghĩ bàn luận.

Trong chân ngôn Tam-muội môn tuy có quả đức không thể suy nghĩ bàn luận như thế, có khả năng cấp khắp cho các chúng sinh một nước. Nếu các chúng sinh không sinh tướng cúng dường tu hành thì khó gặp. Ví như nhà vua thức ăn đầy đủ trước vô tâm ăn uống thì các Đức Phật kia như thế nào? Do đó Kinh chép: Nếu đạt đến tu hành địa trao truyền quả bất tư nghi, tu hành địa này tức là tâm Bồ-đề thanh tịnh gọi là sơ pháp minh môn, chẳng hạn như Thanh văn sau khi kiến đế trở lại vào địa vị Tu đạo, Bồ-tát này ở trong “bách tự minh môn” đều thấy thế giới biển Liên Hoa Đài Tạng Mạn-đồ-la tướng trang nghiêm kia thấy đều khác nhau, tức từ trong Đại không luân tự môn đem tự môn A khởi đại phong luân, tiếp theo ở trên kia dùng tự môn Phạ khởi ra biển nước thơm.

Kế đến ở trên kia dùng tự môn A khởi đất kim cang và núi lớn kim cang, ngoài ra như trong kinh Hoa Nghiêm chép: Ở bách Liên Hoa Tạng này, mỗi thế giới Bồ-đề Mạn-đồ-la đều có các Bồ-tát kim cang... trong mười thế giới lấy làm quyến thuộc. Người tu Du-già này có thể không rời khỏi tòa, đều đến trong hội các Đức Phật như thế, cũng có thể lần lượt cầu học hỏi các Thiện tri thức.

Do đó nói Bồ-tát Sơ địa hóa đầy trăm cõi Phật, không phải chỉ khởi kiến mà thôi, cũng có thể dùng trăm Liên Hoa Tạng này chuyển thành thân mình, đến khi ở Sơ địa mầm mống là hoa... mười tâm đầy đủ trong một minh môn nở ra mười giải thoát môn, thành ngàn thế giới, đều là tùy theo phần nhận trao quả bất tư nghi, đến Địa thứ mười một, ở hư không trong mây biển minh môn mỗi Địa đều thấy thế giới trang nghiêm của Liên Hoa Tạng tánh, tướng, hình loại xoay vần khác nhau, dùng làm tự thân tự tại vô ngại, đó gọi là quả bất tư nghi đầy đủ.

Tiếp theo có hai bài kệ khuyến tín ấn thành cho nên nói là chân thật bậc nhất, các Đức Phật đã mở bày, mở bày trong đây tức là tri kiến của Phật giống với nghĩa trong kinh Pháp Hoa. Nửa bài kệ tiếp theo nói, nếu biết giáo pháp này sẽ được các Tất-địa, là dẫn ra đạo lý các Đức Phật đồng tin thế đế.

Nếu hành giả chân ngôn hiểu rõ thứ lớp phương tiện trong giáo pháp này, dùng tất định tín đúng như lời dạy tu hành thì sẽ được thành tựu tất cả Tất-địa. Nếu cho lời nói này không đúng thì các Đức Phật trong ba đời mười phương, có tội trái ngược với bản thể, đối gạt chúng

sinh, một bài kệ tiếp theo khuyến tín chân đế, nhưng Tất-đàm tự mẫu này, trẻ con cũng đều trì tụng, đến như Hộ-ma cúng dường... tiên Vi-đà ở đời cũng đều cùng làm, nhưng nay môn Chân ngôn này sở dĩ thành bí mật riêng, vì nghĩa chân thật đã gia trì.

Nếu chỉ miệng tụng chân ngôn mà không suy nghĩ kia thì chỉ có thể trở thành nghĩa lợi của thế gian, đâu được thành thể tánh kim cang, vì thế kệ nói: Thanh chân thật trên hết tướng chân ngôn chân ngôn, hành giả suy nghĩ kỹ, được thành “cú” bất hoại. Thanh đây tức là môn Chân ngôn, thể của mật ngữ, giống như trong thanh A nghĩa chân thật bậc nhất, cái gọi là vốn bất sinh.

Trước hết nói chân ngôn, bản Phạm dùng nhiều thanh để gọi, tức là chỉ chung tướng bách tự môn và tự luân của thế đế. Kế là nói tướng chân ngôn: Là tướng thật của chân ngôn này. Tức là tướng thật của chân ngôn này do suy nghĩ đế, nên mỗi mỗi đều nhập đài hoa sen. Cú là chỗ dấu vết đã dứt.

Kinh chép: Bấy giờ, Chấp kim cang Bí Mật Chủ bạch Đức Phật rằng: Ít có! Thế-tôn! Đức Phật dạy đạo pháp tướng chân ngôn không thể suy nghĩ bàn luận giống như pháp Thanh văn, trong giải thoát không có văn tự. Nhưng Duy-ma-cật không lìa văn tự nói tướng giải thoát, cho nên gọi là bất tư nghì giải thoát, nay tự luân này cũng giống như vậy, liền đem vô tướng pháp thân làm các thứ chữ thanh, các thứ chữ thanh, làm pháp thân vô tướng, do đó gọi là bất khả tư nghì chân ngôn tướng.

Không cùng tất cả Thanh văn, Duyên giác, cũng không khắp vì tất cả chúng sinh, kinh này là vật báu bí mật của pháp vương, không chỉ bày cho người thấp kém một cách bữa bãi, như Đức Thích-ca Thế-tôn hơn bốn mươi bốn năm nhân Xá-lợi-phất... ba phen hết lòng cầu thỉnh, mới vì các vị ấy nói lược nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa, nay theo bản địa này, lại là chỗ Diệu Pháp Liên Hoa vắng lặng bí mật sâu xa. Cho nên phẩm Vô Lượng Thọ chép: Thường ở núi Linh Thứu và các trụ xứ khác, cho đến tịnh độ ta không bị hủy hoại mà chúng sanh thấy chấy hết chính là ý của tông Du-già này.

Lại, nhân Bồ-tát Di-lặc ba phen ân cần cầu thỉnh mới nói cho Bồ-tát nghe, nếu căn cứ không đốn ngộ thì không vào tay của kia, cho nên không khắp vì tất cả chúng sinh, cũng là lãnh ngộ trong bài kệ trước, đến tu hành địa mới trao quả bất tư nghì, lại nói hiểu rõ khuyên tin hợp thành hai bài kệ. Do đó nói: Nếu người tin đạo lý chân ngôn này, các pháp công đức đều sẽ đầy đủ, nếu khi đầy đủ thì đó sẽ là đầy đủ các nguyện thù thắng. Trên đã nói chi phần chân ngôn xong.

Chấp kim cang lại nương theo văn trên, thỉnh Phật nói tiếp thứ lớp cần thiết để nhập Mạn-đồ-la. Đức Thế-tôn nói kệ, trước đáp hai câu: Nhân thức ăn hương hoa... đến cùng các bình báu là tên chung chi phần cúng dường, y theo các phẩm vật cúng dường trước nói về hoa dâng cúng. Hễ đã dâng cúng đều tùy theo tánh loại các tôn vị và phương vị Mạn-đồ-la... mỗi mỗi khéo phân biệt, phải khiến sắc, hương, vị, xúc, thích hợp vui vẻ tâm người, trong thủy lục không nói các hoa chỉ có thể dùng làm chiết phục. Trong ba màu trắng, vàng, đỏ, Như lai thường dùng màu trắng, liên hoa quyến thuộc thường dùng màu vàng, kim cang quyến thuộc dùng màu đỏ.

Lại nữa, phải như phương vị Mạn-đồ-la, đàn tròn dùng màu trắng, đàn vuông dùng màu vàng, đàn tam giác dùng màu đỏ.

Lại nữa, các Đức Phật dùng màu trắng, các Bồ-tát dùng màu vàng, các vị trời dùng màu đỏ. Ngoài hoa, hương... cũng phải Y theo theo ý gần đây, gồm chọn lấy lời văn sử dụng trong Tô-tất-địa và Cù-hê... không thể chép đầy đủ.

Bát-đầu-ma là hoa sen hồng, gồm các hoa sen xanh, đỏ, trắng... nước mọc các hoa đều có thể hiển cúng chung chư tôn. Long hoa Bôn-na-già: Bôn-na-già là hoa Long Thọ. Thế-tôn Di-lặc thành Phật dưới cây này, Long hoa là hoa mà loài rồng yêu chuộng. Tây phương có rất nhiều loại hoa ấy, như hoa Tát-la, hoa Mạt-lê, hoa Đắc-niết-la, hoa Chiêm-bật, hoa Vô ưu, hoa Đễ-la-kiếm, hoa Bát-tra-la, hoa Sa-la thọ, điều có ở Thiên Trúc, phương này không thể biết đầy đủ.

Kinh chép: Các thứ các thứ hoa tốt đẹp như thế, bản Phạm có cả hoặc thanh, nghĩa là các thứ hoa như vậy đều có thể thông dụng, do đó nêu lên để so sánh, nhưng có thể phương khác có, phương kia không, chỉ khiến lòng người ưa thích, người thế gian cho là tốt lành thì đều có thể cúng dường, lược nhóm lại vào thành tràng nghĩa là pha lẫn trang nghiêm, hoặc khâu, hoặc kết, do người tu hành tâm ân cần, thật thà, thanh tịnh sẽ khiến các tôn vị hoan hỷ hộ niệm.

Sau nói hương xoa, hương chiêm-đàn, thanh mộc, uất-kim-đổ-lộ, bà thảo, hương mục túc ở phương Tây hơi khác mục túc hương ở đây, đến các thứ hương xoa tốt khác như: Trầm thủy, cam tùng, đinh hương, quế tâm, đậu khấu, hương phụ tử... ở phương Tây giống như trong Tô-tất-địa, Cù-hê có nói rộng.

Lại nói trong các thứ hương xoa kia chớ dùng thân phần của chúng sinh và khoáng sản cùng vật trùng ăn... phải lấy hương tốt sạch, dùng nước nghiền ra, nếu cúng Phật thì phải dùng uất-kim hoặc trầm hương

đen, mới, tốt, đem hòa với long não.

Liên Hoa quyển thuộc phải dùng bạch đàn.

Kim cang quyển thuộc cũng phải dùng bạch đàn, ngoài ra các tôn vị tùy ý mà dùng cho phù hợp, tùy theo chỗ hợp hương đều đặt long não.

Kế là nói về đốt hương, phải dùng hương trầm thủy, hương tùng, hương phạ lan, hương long não. Hương bạch đàn ở phương Tây gọi là Ma-la-dũ, đó là tên núi, chính trong luận Trí Độ đã nói trừ Ma-lê-sơn, lại không ngoài chiên-đàn.

Bạch Giao hương là Sa-la Thọ, Thất-lợi-phạ-tắc-la hương, giống như huân lục hương ở phương này, thất-lợi nghĩa là có đức tốt lành, ý nói hương này cho đến thiên thần thấy đều ưa thích, do đó lấy làm tên, và các loại hương xông khác mùi thơm ngào ngạt, người đời khen ngợi, cũng như trên đã nói.

Cù-hê chép: Đốt hương hòa bạch đàn và trầm thủy với nhau, cúng dường Phật, nước thơm của cây ấy, cúng dường loại hoa sen, hắc trầm và an-tất cúng dường loại kim cang, hoặc nung vào phương pháp kia làm hương, hòa hợp rộng khắp để dâng cúng các tôn vị, phải nên theo pháp dạy ấy, nghĩa là dùng chân ngôn mật ấn gia trì trừ dơ... như trong cúng dường thứ lớp nói. Ngoài ra, hương xoa và hoa... lệ theo đây có thể biết.

Kế là nói y vào giáo pháp dâng cúng các thức ăn như trong kinh đại bản, các thức ăn cúng dường... đều có cách nấu, đến ý sâu kín, mỗi mỗi tương ứng với pháp môn, pháp này không đủ, chỉ nung vào Tô-tất-địa... đúng như pháp làm kết hộ gia trì thì gọi là y giáo. Cháo sữa, ở phương Tây cháo có nhiều thứ, hoặc dùng nước mè đen, hoặc dùng các thứ đậu và các vị thuốc, như các văn thập tụng được pháp... có nói rộng, nhưng cháo sữa là trên hết. Khi dâng cúng thức ăn này, lại phải thêm bơ, đường cát... khiến đầy đủ cả màu sắc lẫn mùi vị để cúng dường.

Lại ở phương Tây cơm có nhiều thứ cũng cho cơm sữa là trên hết, khi dâng cúng cơm này phải kết hợp các vị đường, muối, gừng, lại phải cúng canh, nung vào phương pháp làm thức ăn ở phương kia, hoặc tùy theo phong tục từng nước cần dùng.

Hoan hỷ hoàn, phải dùng bơ chiên các thứ bánh, trộn lẫn các vị và ba thứ tân dược... khiến các thứ trang nghiêm.

Mạn-đồ-ca là bánh trắng ở phương này, bánh lá kia là phương pháp làm bánh ở Thiên Trúc, dùng các vị đường mật hòa với bột, dùng dầu chiên rất là ngon đẹp.

Bánh đường cát: đường cát này gọi là Kiến-đồ, hình dáng như ở ích châu sinh ra, màu sắc rất trắng đẹp, đựng tới liền vỡ, hòa với nước thì tan, trước dùng bột làm bánh, thường để cho thấm, rồi sau mới ăn.

Tinh Diệu: Nghĩa là cốt phải khiến cho trắng sạch, làm cho sắc hương đầy đủ. BỐ-lợi-ca, Hán dịch là Trước Lam Bình, dùng các vị trên hòa hợp để noi theo mà làm. Bánh lỗ hồng có hai loại, hoặc đâm thành lỗ hồng, hoặc dạng như sợi tơ nhiều lớp lộn xộn hồng ở giữa, để thêm các vị.

Mạt-đồ-thất-la Bình cũng theo trước mà làm, dùng đường mật phết lên.

Tỉ-nặc-ca bình, bắt đầu dùng bột nới trên mà làm, lấy dầu sống mà chiên hình dáng như bọt nổi trên nước rất đáng yêu, vô ưu là quyền duyên sa đường kính, Bà-bát-tra thực là các món ăn như thế, cũng nói tùy theo phương hướng, quốc gia có vị ngon và quả quý tốt gì thì tùy ý dâng cúng.

Đường trắng, đường phèn, đường cát, mật tươi lại đều để riêng. Các thứ nước uống: Ở phương Tây, cách thức chế nước rất nhiều, đều dùng xen thuốc thơm mà lành bệnh và các nước uống phi thời như nho... trong Tỳ-ni đã nói, thức ăn và sữa kia cũng dùng Tất-bát hoặc Long Nảo... như phương pháp y minh thực mà làm, nói chung ở phương Tây làm thức ăn, nước uống thứ tự trước sau, đa số nướng vào phương pháp làm thuốc, có kỹ thuật dưỡng tánh, giữ thân, thường hết hoạn chết yếu, hễ là chỗ để thức ăn thì phải xoa hương thơm cùng khắp, để thức ăn trong viện, trái khắp lá sen hoặc lá chuối v.v... cho cùng khắp, không nên dùng lụa trắng mới sạch hoặc vải sạch, nên rửa nước sạch và thoa hương thơm, khi bày thức ăn thì phải thêm nhiều các tôn vị thượng thủ, trong thai tạng thì Phật Tỳ-lô-giá-na, viện thứ hai là Quán Âm kim cương chủ viện kế là bốn vị Bồ tát như Văn thù v.v... ngoại viện là Phật Thích ca-Mâu ni và các bản tôn được thờ v.v... Nếu các chỗ còn lại phải đặt một phần thì các tôn vị thượng thủ nên chia làm hai, hoặc các chỗ còn lại đặt hai phần thì các tôn vị thượng thủ đặt ba phần. Cù-hê chép: Vị đứng đầu mạn-đồ-la nên thêm số gấp bội, dù có thứ lớp khác nhau này nhưng trên từ chư Phật dưới đến quỷ thần thế gian đều nên cúng dường với tâm bình đẳng, mục đích là làm cho dồi dào đồng đều, v.v... cho đến không làm chỉ nên Cúng dường bộ chủ hoặc đặt thức ăn trong viện, vận dụng tâm cúng dường tất cả các tôn vị, dâng cúng hương hoa... lệ theo đây có thể biết.

Tiếp theo nói về dâng cúng đèn, dầu thơm có rất nhiều loại, đó là

chiêm-bạc du hương (dầu thơm chiêm-bạc), dầu thơm hoa Tô-ma-na... về phương pháp làm dầu thơm phải dùng hoa tươi, xâu như cách xâu tràng hoa, treo dưới ánh nắng mặt trời, dùng đồ đựng dầu hứng, dùng vật lấy dầu tươi trên hoa, khiến hoa rơi trở lại trong dầu, lại lấy dầu mà tươi. Như thế vòng quanh rồi trở lại từ đầu, từ ngày ra cho đến ngày vào mới thôi, sáng ngày sau lại lấy hoa mới mà làm như trước, khiến hơi thơm dầu này, và hơi thơm hoa này đều nhau, sau đó mới thôi.

Các đồ dùng để dâng cúng thức ăn và đèn dầu... dùng các thứ báu là trên hết, nếu không thể sắm đồ dùng bằng đồng, bạc... thậm chí đồ dùng bằng ngói mới sạch cũng làm được việc, phương Tây thêu cờ lọng, nếu có tiền của và sức lực, phải đối với mỗi tôn vị, đều lập môn riêng, cũng dùng các thứ báu là hơn hết, nếu không thể sắm được thì dùng lụa màu đỏ để thêu vẽ, khi vẽ phải dùng vật sạch, không được dùng keo... Nếu không thể làm nhiều thì cho đến bốn phương mỗi phương đều đặt một cái lọng, ở cửa treo chuông lắc... đều tùy sức mà chia làm các thứ trang nghiêm, đều y theo tướng chỉ bày trong phẩm Nhập Bí Mật Mạn-đồ-la.

